

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

ĐỀ ÁN
ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
Tên ngành đào tạo: **QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

Trình độ: Tiến sĩ
Mã số: 914.01.14

Thanh Hóa, năm 2023

MỤC LỤC	Trang
PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC	1
1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Hồng Đức	1
1.2. Giới thiệu về Khoa Tâm lý - Giáo dục	5
1.3. Khái quát chung về năng lực đào tạo của Trường Đại học Hồng Đức	6
<i>1.3.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo</i>	6
<i>1.3.2. Quy mô đào tạo học viên ngành Quản lý giáo dục</i>	9
PHẦN 2: SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	10
2.1. Sự cần thiết đề xuất mở ngành đào tạo	10
2.2. Căn cứ nhu cầu xã hội đối với lĩnh vực đào tạo	12
PHẦN 3: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	13
3.1. Thông tin về chương trình đào tạo	13
3.2. Mục tiêu, chuẩn đầu ra	15
<i>3.2.1. Mục tiêu</i>	15
<i>3.2.2. Chuẩn đầu ra</i>	16
<i>3.2.3. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo</i>	18
3.3. Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo	19
<i>3.3.1. Cấu trúc chương trình đào tạo</i>	19
<i>3.3.2. Nội dung chương trình và kế hoạch đào tạo</i>	20
3.4. Đội ngũ giảng viên đủ điều kiện giảng dạy và hướng dẫn	22
<i>3.4.1. Đội ngũ giảng viên</i>	22
<i>3.4.2. Phòng học</i>	23
<i>3.4.3. Các phòng thí nghiệm và hệ thống trang thiết bị liên quan</i>	23
<i>3.4.4. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan</i>	24
3.5. Đề cương học phần	25
Quản lý giáo dục trong bối cảnh hiện nay	25
Tổ chức nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục	29
Phát triển chương trình giáo dục hiện đại	33
Quản lý chất lượng giáo dục	36

Xây dựng văn hóa tổ chức	40
Chuyên đề 1/ PhD Project	43
Chuyên đề 2,3/ PhD Project 2,3	47
Luận án tiến sĩ/ Doctoral Thesis/ PhD Thesis	
PHẦN 4: ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	56
4.1. Căn cứ pháp lý để mở ngành đào tạo	56
4.2. Đội ngũ giảng viên để tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ QLGD	58
4.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học	65
4.4. Cơ sở vật chất trang thiết bị, thư viện phục vụ cho CTĐT tiến sĩ QLGD	66
4.5. Tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo	67
4.6. Biện pháp quản lý rủi ro trong mở ngành và triển khai tuyển sinh, đào tạo chuyên ngành tiến sĩ Quản lý giáo dục	68
Các minh chứng kèm theo	70

PHẦN 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Hồng Đức

Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Hồng Đức

Địa chỉ: Số 565, đường Quang Trung, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hoá

Điện thoại: (0(0237).3910.222

Fax: (0237).3910.475

Website: www.hdu.edu.vn

Trường ĐH Hồng Đức được thành lập theo Quyết định số 797/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ, là trường đại học công lập trực thuộc UBND tỉnh Thanh Hoá, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ GD&ĐT, chức năng, nhiệm vụ của nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học, cao đẳng, thuộc các lĩnh vực khoa học giáo dục, công nghệ, kỹ thuật, kinh doanh quản lý và nghiên cứu khoa học phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thanh Hóa và trong cả nước. Tháng 7/2007, Nhà trường được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ và tháng 9 năm 2014, Bộ GD&ĐT đã giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ. Bằng việc hoàn thiện các bậc đào tạo, trường Đại học Hồng Đức đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong hoạt động đào tạo và phát triển của Nhà trường.

Trải qua quá trình hơn 25 năm xây dựng và phát triển với quy mô đào tạo của Nhà trường từng bước được mở rộng hợp lý. Đến nay, Nhà trường chủ trương ổn định quy mô khoảng 12.000 đến 16.000 HSSV, đã và đang tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, phấn đấu xây dựng thương hiệu một số ngành đào tạo chất lượng cao. Trường Đại học Hồng Đức đã có những bước phát triển mạnh và bền vững cả về đội ngũ cán bộ giảng viên, ngành nghề đào tạo, bậc, hệ đào tạo, qui mô tuyển sinh và cơ sở vật chất kỹ thuật; chất lượng đào tạo không ngừng được nâng cao; hoạt động nghiên cứu khoa học không ngừng được mở rộng, góp phần phục vụ thiết thực mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và trong cả nước.

Về cơ cấu tổ chức: Tổ chức bộ máy của Nhà trường thường xuyên được rà soát, kiện toàn để phù hợp với tình hình thực tế và các quy định Nhà nước có liên quan; khắc phục tình trạng chùng chểo, trùng lặp, hoặc bỏ sót về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc; đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý, điều hành các hoạt động của Nhà trường, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Giai đoạn 2011-2018, mô hình quản trị Nhà trường gồm Ban Giám hiệu; Hội đồng Khoa học và Đào tạo và các Hội đồng tư vấn; 36 đơn vị thuộc và trực thuộc. Từ năm 2019, mô hình quản trị Nhà trường gồm: Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu; Hội đồng Khoa học và Đào tạo và các Hội đồng tư vấn; 29 đơn vị thuộc và trực thuộc (trong đó 12 khoa, 8 phòng, 7 trung tâm, 1 ban và 1 trường mầm non thực hành).

Đến năm 2023 nhà trường thành lập thêm trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và trường THPT, THCS, TH Hồng Đức. Nâng tổng số đơn vị trong nhà trường là 31 đơn vị thuộc và trực thuộc (trong đó 12 khoa, 8 phòng, 8 trung tâm, 1 ban và 1 trường mầm non thực hành, 1 trường THPT, THCS, TH Hồng Đức).

Bảng 1.1: Các đơn vị thuộc và trực thuộc trường Đại học Hồng Đức

1. KHOA	Khoa học Tự nhiên
	Khoa học Xã hội
	Giáo dục Mầm non
	Giáo dục Tiểu học
	Giáo dục thể chất
	Ngoại ngữ
	Khoa Lý luận chính trị Luật
	Khoa Tâm lý – Giáo dục
	Kinh tế - Quản trị Kinh doanh
	Nông – Lâm – Ngư nghiệp
	Công nghệ thông tin và truyền thông
	Kỹ thuật Công nghệ.
	2. PHÒNG
Kế hoạch - Tài chính	
Thanh tra - Pháp chế;	
Quản lý Khoa học, công nghệ và Hợp tác quốc tế	
Đảm bảo chất lượng và Khảo thí	
Quản lý Đào tạo	
Quản lý đào tạo sau đại học	
Giáo dục chính trị và Công tác học sinh sinh viên	
3. TRUNG TÂM VÀ BAN, TRƯỜNG	Giáo dục quốc tế
	Giáo dục thường xuyên
	NCUD và chuyển giao KHCN
	Giáo dục quốc phòng an ninh
	Thông tin - Thư viện
	Công nghệ thông tin và truyền thông
	Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo
	Tư vấn, kiểm định xây dựng và môi trường
	Ban Quản lý Ký túc xá, Y tế và An ninh trật tự
	Trường mầm non thực hành
	Trường THPT, THCS, TH Hồng Đức

Về đội ngũ: Hiện nay, Nhà trường có 651 cán bộ, giảng viên và người lao động. Đội ngũ giảng viên là 407 người (chiếm 62,51%), trong đó **182 giảng viên có trình độ tiến sĩ, đạt 44,7%**, 23 giảng viên có chức danh Phó Giáo sư, đạt 5,7% (có 28 tiến sĩ được đào tạo hoàn toàn ở nước ngoài, chiếm 17,3%); có 139 giảng viên có thể sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong giảng dạy, chiếm 34,2% giảng viên. Đây là tỷ lệ khá cao trong hệ thống các trường đại học trực thuộc địa phương. Ngoài ra có hàng trăm cán bộ được tham gia các loại hình đào tạo bồi dưỡng.

Ngành nghề, trình độ và hình thức đào tạo: Kể từ ngày thành lập đến nay, cơ cấu ngành nghề, trình độ đào tạo, hình thức đào tạo của nhà trường liên tục được đổi mới và phát triển theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội. Tính đến năm học 2020-2021, Nhà trường đang tổ chức đào tạo 04 chuyên ngành tiến sĩ, 19 chuyên ngành thạc sĩ, 34 ngành đại học, 01 ngành cao đẳng hệ chính quy.

Về hợp tác quốc tế: Công tác hợp tác quốc tế từng bước được phát triển mới, đã chủ động mở rộng và đa dạng hóa trong hợp tác quốc tế như xây dựng các chương trình liên kết đào tạo, thực hiện trao đổi giảng viên, sinh viên và hợp tác nghiên cứu khoa học với nhiều trường đại học có uy tín trên thế giới như: Trường Đại học Zielona Gora (Cộng hòa Ba Lan); Đại học Greifswald, Đại học Zittau/Goerlitz và Đại học Anhalt (Cộng hòa Liên bang Đức); Đại học Polytech Tours (Cộng hòa Pháp).

Về hoạt động khoa học công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường trong 10 năm qua có bước phát triển vượt bậc. Kết quả nghiên cứu các đề tài, dự án; kết quả ứng dụng, chuyển giao công nghệ đã đóng góp trực tiếp vào việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực tại Trường và năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên; phục vụ trực tiếp sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước. Nhiều đề tài, dự án khoa học và công nghệ do Trường Đại học Hồng Đức chủ trì là cơ sở khoa học cho việc hoạch định chiến lược và xây dựng cơ chế, chính sách phát triển kinh tế các địa phương, ngành, lĩnh vực của Tỉnh; uy tín, vị thế và thương hiệu của Trường Đại học Hồng Đức ngày càng được nâng cao. (1) *Hoạt động nghiên cứu các đề tài, dự án* được triển khai đồng bộ, đa lĩnh vực: Nhà trường đã chủ trì thực hiện 567 đề tài/dự án khoa học và công nghệ các cấp; số lượng các đề tài cấp cao (cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp Nhà nước) tăng vượt bậc; sản phẩm nghiên cứu khoa học ngày càng gắn kết chặt với thực tế sản xuất, kinh doanh và đời sống. (2) *Hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo* đã được triển khai đa dạng, phong phú và bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực. Chương trình đào tạo chính khóa và các hoạt động ngoại khóa đã chú trọng trang bị kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho người học. Chương trình đào tạo cũng đổi mới theo hướng phát huy năng lực người học, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. (3) *Hoạt động công bố kết quả nghiên cứu và Tạp chí Khoa học có bước phát triển vượt bậc:* cán bộ, giảng viên Nhà trường đã công bố 3.218 bài

báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, trong đó có 366 bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế (273 bài trên tạp chí thuộc danh mục Web of Science, Scopus). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức đã được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm công trình 05 ngành; từ năm 2017, Tạp chí được tham gia dữ liệu Tạp chí Khoa học Việt Nam trực tuyến. (4) *Hoạt động hội nghị, hội thảo khoa học* đã tập trung vào việc nâng cao chất lượng đào tạo và góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn của Nhà trường, địa phương và đất nước. Các hội thảo đã thu hút đông đảo chuyên gia, các nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước tham gia; các bài hội thảo được xuất bản kỷ yếu có chỉ số ISBN. (5) *Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được đẩy mạnh*: Sinh viên toàn trường đã thực hiện 1.080 đề tài khoa học, trong đó có 355 đề tài đạt giải cấp trường, 19 đề tài đạt giải cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo (03 giải Nhì, 09 giải Ba và 07 giải Khuyến khích);

Cơ sở vật chất, kỹ thuật: Trường Đại học Hồng Đức được UBND tỉnh quan tâm, đầu tư cơ sở vật chất cả về số lượng và chất lượng tương đối hiện đại, đồng bộ, cơ bản đáp ứng nhu cầu cho công tác quản lý, điều hành, công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và đáp ứng một phần nơi ở của người học.

Trong những năm qua, Nhà trường được đầu tư 650 tỷ đồng để hoàn thành các hạng mục tại cơ sở chính gồm: Nhà Điều hành, 6 nhà giảng đường, nhà Trung tâm Giáo dục quốc tế - Ngoại ngữ, khu liên hợp Thể dục Thể thao, Hội trường 500 chỗ ngồi, 6 nhà ký túc xá sinh viên, giảng viên thỉnh giảng, Nhà ký túc xá Lào (do nước bạn Lào đầu tư bàn giao lại cho Nhà trường), Trung tâm Thông tin - Thư viện và Trường Mầm non thực hành tổng diện tích xây dựng các công trình là 103.630 m² sàn; Trung tâm Giáo dục Quốc phòng An ninh được đầu tư 93,6 tỷ đồng để xây dựng nhà làm việc, nhà học, nhà ký túc xá, sân bãi tập luyện với 9.793 m² sàn. Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Thanh Hóa, Nhà trường đã bàn giao toàn bộ cơ sở vật chất tại cơ sở số 307 Lê Lai, Phường Đông Sơn, Thành phố Thanh Hóa cho Trường trung học phổ thông chuyên Lam Sơn quản lý và sử dụng.

Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học nhìn chung cơ bản đáp ứng cho các ngành đào tạo. Trường có 163 phòng học, 01 hội trường lớn 500 chỗ, 47 phòng thí nghiệm, 01 xưởng thực hành, 01 nhà thư viện và 01 khu liên hợp thể thao phục vụ giảng dạy bộ môn giáo dục thể chất. Trong đó có 125 phòng học từ 40 - 72 người học, 34 phòng học từ 80 - 120 người học và 04 phòng học 253 người học.

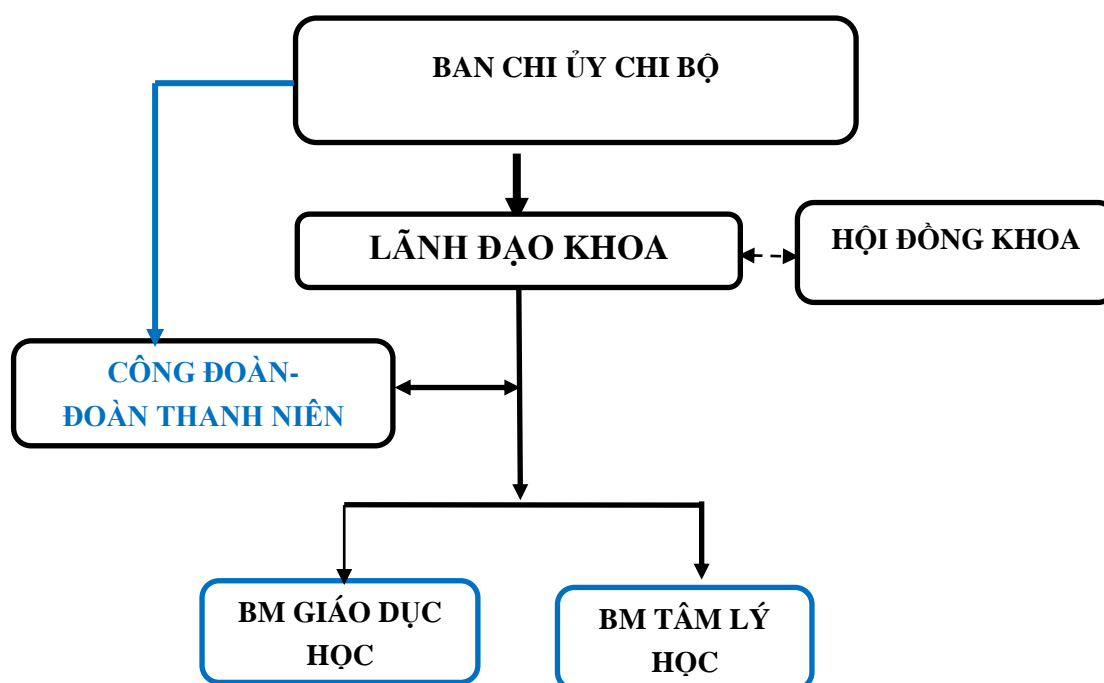
Hiện tại, Nhà trường có một số phòng thí nghiệm thực hành hiện đại của khoa Khoa học Tự nhiên, khoa Kỹ thuật-Công nghệ, khoa Nông Lâm Ngư nghiệp, khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông; phòng thực hành kế toán, hệ thống mô phỏng Ngân hàng khoa KT-QTKD; Trung tâm thực hành nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn khoa Khoa học Xã hội và Dự án đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm quản lý Trường ĐH Hồng Đức.

Về khen thưởng: Trải qua quá trình hơn 25 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường

đã vinh dự nhận được nhiều bằng khen và các danh hiệu cao quý do Nhà nước tặng: Huân chương Lao động hạng Ba (2002); Huân chương Lao Động hạng Nhì (2011), Huân chương Lao động hạng Nhất (2017) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

1.2. Giới thiệu về Khoa Tâm lý - Giáo dục

Khoa Tâm lý - Giáo dục là một trong 10 Khoa đầu tiên của Trường Đại học Hồng Đức, được thành lập vào năm 1997. Sau 25 năm thành lập (với bề dày truyền thống đào tạo giáo viên) Khoa đã không ngừng phát triển và có nhiều đóng góp trong việc cung ứng nguồn nhân lực giáo dục phục cho tỉnh nhà và cả nước.



Về cơ cấu tổ chức:

Sau 25 năm xây dựng và phát triển, hiện nay, khoa có 2 bộ môn (Tâm lý học và Giáo dục học).

Về đội ngũ: Hiện nay tổng số CBGV tham gia giảng dạy ở khoa Tâm lý - Giáo dục là 19 (ngoài ra còn có 2 GV thỉnh giảng); có 1 PGS.TS (tỷ lệ 5,8%), 7 Tiến sĩ (tỷ lệ 41,17%) và 7 Thạc sĩ (tỷ lệ 41,17%); giảng viên đang đi học NCS là 2 người. Khoa có nhiều cán bộ giảng viên đã tốt nghiệp ở các trường Đại học uy tín trong nước; có 1 TS tốt nghiệp tại Hunggari. Nhiều CB-GV có trình độ ngoại ngữ có thể làm việc trực tiếp với người nước ngoài; Quy mô đào tạo hiện nay là trên gần 300 người học (trong đó có hơn 200 học viên cao học QLGD) và đại học ở các hệ chính quy, liên thông, VLVH, VB đại học thứ 2. Ngoài ra GV của khoa còn tham gia đào tạo cho hàng ngàn SV các khoa sư phạm và một số khoa khác trong trường.

Ngành nghề, trình độ và hình thức đào tạo: Khoa Tâm lý - Giáo dục bắt đầu được

Bộ GD&ĐT cho phép tuyển sinh đào tạo bậc Thạc sĩ QLGD từ năm học 2015 -2016. Cùng với sự phát triển của Nhà trường, cho đến năm học 2023- 2024, Khoa TLGD đang được giao đảm nhận đào tạo các môn Tâm lý học và Giáo dục học cho các khoa sư phạm trong trường; đào tạo 1 trình độ đại học ngành Tâm lý học và 1 trình độ Thạc sĩ QLGD (Tuyển sinh từ năm 2016).

Về hoạt động khoa học công nghệ: hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa giáo dục của Khoa cũng được chú ý phát triển. Khoa đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học; công bố hàng trăm bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Trong 5 năm gần đây, cán bộ giảng viên của khoa đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh và cấp cơ sở.

Cơ sở vật chất, kỹ thuật: Ngoài việc sử dụng toàn bộ cơ sở vật chất của Trường Đại học Hồng Đức, Khoa Tâm lý - Giáo dục còn có Phòng tư liệu riêng phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học chuyên môn của cán bộ và sinh viên của Khoa, Nhà trường cũng đã bố trí cho Khoa hệ thống phòng học, văn phòng khoa, phòng làm việc của Ban chủ nhiệm Khoa, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, phòng thực hành Bộ môn với đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt chuyên môn.

Về khen thưởng: Trải qua hơn 25 năm xây dựng và trưởng thành, với những thành tích đạt được trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, Khoa Tâm lý - Giáo dục đã được khen thưởng như: Tập thể lao động tiên tiến xuất sắc hàng năm; Bằng khen của Ủy ban nhân dân Tỉnh Thanh Hóa; Bằng khen của TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh...

1.3. Khái quát chung về năng lực đào tạo của Trường Đại học Hồng Đức

1.3.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo

Ngày 24/9/1997 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 797/QĐ-TTG thành lập Trường Đại học Hồng Đức trên cơ sở 3 trường Cao đẳng đã có bề dày đào tạo. Đại học Hồng Đức là trường đại học đầu tiên trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam được thành lập theo mô hình mới: Đại học công lập, đa ngành, trực thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa và chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ GD&ĐT, đáp ứng xu hướng đổi mới của giáo dục đại học Việt Nam.

(1) Đào tạo đại học và cao đẳng

Trường Đại học Hồng Đức đang đào tạo bậc đại học hệ chính quy và hệ liên thông. Sinh viên Trường Đại học Hồng Đức đến từ tỉnh Thanh Hóa, ngoài ra còn đến từ 1 số tỉnh thành khác trong cả nước và các nước (chủ yếu là Lào).

Với nhiều ngành đại học (có 4 ngành đào tạo sư phạm chất lượng cao) và ngành Cao đẳng Giáo dục mầm non. Trong 5 năm qua, Nhà trường đã đào tạo được 14.648 người tốt nghiệp (trong đó có 11.328 đại học) góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trình độ cao cho tỉnh Thanh Hóa và đất nước. Nhà trường đã và

đang liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu đào tạo các ngành, chuyên ngành đại học và sau đại học. Thực hiện liên kết với Trường Đại học Công nghệ Hoàng Gia Thanyaburi (Thái Lan) tuyển sinh đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh quốc tế theo hình thức 1+3.

Chương trình đào tạo của Trường Đại học Hồng Đức được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ GD&ĐT, kế thừa và phát triển các chương trình đào tạo đã có, tiếp thu có chọn lọc các chương trình tiên tiến trên thế giới, đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo tính liên thông. Nội dung chương trình đào tạo vẫn tiếp tục cập nhật, đổi mới, giảm bớt kiến thức hàn lâm, chú trọng nhiều đến kỹ năng vận dụng và thật sự gắn với yêu cầu sử dụng nhân lực của xã hội và đảm bảo tính liên thông liên kết. Tất cả các chương trình đào tạo của Trường đều có đề cương chi tiết và tài liệu, giáo trình cho các học phần do tập thể các nhà khoa học và giảng viên của Trường biên soạn. Hiện tại, Trường Đại học Hồng Đức đang áp dụng phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ cho đào tạo đại học và tiếp theo là cho đào tạo sau đại học.

Quy trình đào tạo thực hiện theo hệ thống tín chỉ. Phương pháp giảng dạy đã được đổi mới theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin và phương tiện kỹ thuật hiện đại vào quá trình dạy - học, sử dụng hệ thống bài giảng điện tử, phát huy tính tích cực, chủ động của người học.

Phương pháp kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên đã được đổi mới theo hướng tăng cường áp dụng hình thức trắc nghiệm khách quan và cho sinh viên trực tiếp làm bài thi trên máy tính. Trường Đại học Hồng Đức là một trong những trường đầu tiên thực hiện tổ chức hoạt động giảng dạy độc lập với hoạt động đánh giá, thực hiện nề nếp kỷ cương và chống tiêu cực trong thi cử. Trường đã tổ chức xây dựng ngân hàng đề thi học phần nhằm giảm thiểu việc cất xén nội dung chương trình, hạn chế việc học tủ, học lệch. Nhà trường đang tích cực cải tiến, đổi mới việc kiểm tra - đánh giá các học phần theo hướng đánh giá khả năng tư duy.

(2) Đào tạo sau đại học

Tháng 7/2007, Nhà trường được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ và tháng 9 năm 2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ. Bằng việc hoàn thiện các bậc đào tạo, trường Đại học Hồng Đức đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong hoạt động đào tạo và phát triển của Nhà trường.

Hiện Nhà trường đang tổ chức đào tạo **06 chuyên ngành tiến sĩ**, 20 chuyên ngành thạc sĩ Tham gia đào tạo có: Phó giáo sư 23, tiến sĩ 181 và rất nhiều giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học của các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.

Để nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học, Trường Đại học Hồng Đức đã đầu tư về cơ sở vật chất và đổi mới công tác quản lý. Nhà trường có khu vực dành riêng cho học

tập, tra cứu, cập nhật thông tin cho học viên cao học và nghiên cứu sinh; xây dựng các phòng thí nghiệm hiện đại, tài liệu, giáo trình được bổ sung thường xuyên; xây dựng được các tiêu chí đánh giá kết quả học tập và luận văn, luận án chặt chẽ, khách quan. Có thể nói, Trường Đại học Hồng Đức là một trong những cơ sở đào tạo Sau đại học lớn và có uy tín trong cả nước

(3) Đánh giá chung về đào tạo

+ Quy mô đào tạo: Xét tổng thể Quy mô đào tạo của Nhà trường từng bước được mở rộng hợp lý. Đến nay, Nhà trường chủ trương ổn định quy mô khoảng 12.000 đến 16.000 HSSV, đã và đang tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, phấn đấu xây dựng thương hiệu một số ngành đào tạo chất lượng cao. Quy mô trường cũng đã và đang đào tạo hơn 320 lưu học sinh (trình độ Đại học và trình độ thạc sĩ) cho tỉnh Hòa Phấn, nước CHDCND Lào. Trong 5 năm qua, Nhà trường đã đào tạo được 14.648 người tốt nghiệp (1.186 thạc sĩ, 11.328 đại học, 1.397 cao đẳng và 557 trung cấp) góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trình độ cao cho Tỉnh và đất nước.

+ Cơ cấu đào tạo hợp lý, đáp ứng đủ nhu cầu của xã hội, đảm bảo liên thông với đa ngành, đáp ứng yêu cầu của người học.

- Loại hình đào tạo: đào tạo chính quy và đào tạo không chính quy (gồm có không chính quy tập trung và không chính quy bán tập trung), đào tạo văn bằng 2, đào tạo liên thông.

- Sau đại học đào tạo **06 chuyên ngành tiến sĩ, 20 chuyên ngành thạc sĩ**. Các học viên sau đại học tại Trường đều bảo vệ thành công luận văn, luận án đúng theo quy định.

+ Chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo của Nhà trường thường xuyên được rà soát, cập nhật, điều chỉnh theo hướng giảm lý thuyết, tăng thực hành, rèn nghề đáp ứng chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; chương trình đào tạo được phát triển theo định hướng ứng dụng, hiện đại hóa, phát huy năng lực người học, đảm bảo tính liên thông trên cơ sở tham khảo ý kiến của các bên liên quan và tham khảo chương trình đào tạo tiên tiến của các trường đại học trong và ngoài nước.

Nhà trường không ngừng đổi mới phương pháp dạy học, từng bước thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động dạy học; công tác thực hành, thực tập được kiểm tra, giám sát; tăng cường học tại xưởng thực hành và thực địa, thực tế; phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập theo hướng phát huy năng lực người học; công khai hình thức đánh giá kết quả dựa trên năng lực của người học, đánh giá theo quá trình, tăng cường đánh giá kết quả người học bằng hình thức vấn đáp, thực hành, trắc nghiệm, bài tập lớn, ...

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá và cập nhật dữ liệu 100% CTĐT cử nhân, trong đó có 10 CTĐT được kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT (đạt 18%), **3 CTĐT Thạc sĩ được kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT (đạt 15%)**. Các hoạt động cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài đã được nhà trường quan tâm

chỉ đạo sát sao, xây dựng kế hoạch và triển khai khắc phục theo đúng tiến độ.

+ *Chất lượng và hiệu quả đào tạo* được xã hội khẳng định, giữ được ổn định và có chiều hướng phát triển tốt.

Sinh viên tốt nghiệp tại Trường Đại học Hồng Đức có kiến thức chuyên môn sâu, có kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tư cách tốt, được các cơ sở tuyển dụng đánh giá cao, nhất là đối với sinh viên sư phạm.

1.3.2. Quy mô đào tạo học viên ngành *Quản lý giáo dục*

- **Đối với bậc Thạc sĩ:**

Khoa TLGD thực hiện đào tạo Thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục (QLGD) từ năm 2016 tới nay tổng có 568 học viên.

Bảng 1.4: Tình hình đào tạo bậc thạc sĩ QLGD của Khoa Tâm lý Giáo dục

Khóa	Năm nhập học	Số lượng đăng ký dự tuyển	Số lượng trúng tuyển	Số lượng nhập học	Số lượng tốt nghiệp
K8	2015	30	30	30	30
K9	2016	45	45	45	45
K10*	2017	70	70	70	70 (có 1 HV Lào)
K11	2018	37	36	35	35
K12	2019	27	27	25	25
K13	2020	63	59	59	59 (có 2 HV Lào)
K14	2021	105	96	96	96 (có 1 HV Lào)
K15	2022	114	114	114	Chưa TN
Tổng cộng:					474

(Nguồn: Phòng QLĐT SDH)

Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành QLGD của Trường Đại học Hồng Đức được xây dựng và tuyển sinh khóa đầu tiên vào năm 2016. Đây là một trong những ngành học có tính thực tiễn, có nhu cầu cao trong bối cảnh đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế. Trong quá trình thực hiện CTĐT Khoa và Nhà trường đã tổ chức rà soát, đánh giá việc thiết kế và phát triển CTĐT, điều chỉnh trên cơ sở tiếp thu ý kiến đánh giá của người học trong quá trình học và sau khi tốt nghiệp về chất lượng Chương trình dạy học, tiếp thu ý kiến đánh giá của cán bộ giảng dạy, ý kiến chuyên gia và người học, cựu người học, đánh

giá của Hội đồng Khoa. Trên cơ sở đó có những điều chỉnh phù hợp, đảm bảo người học đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp. Kết quả hiện nay ngành Thạc sĩ QLGD đã được kiểm định chất lượng đào tạo của Bộ giáo dục và đào tạo và cũng đã khẳng định được uy tín và chất lượng của mình thông qua các số liệu về tuyển sinh và kết quả hoạt động thực tế của các học viên sau tốt nghiệp.

PHẦN 2

SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

2.1. Sự cần thiết đề xuất mở ngành đào tạo.

Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã mở ra cho Việt Nam những cơ hội cũng như thách thức mới. Trước bối cảnh đó, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được xem là mục tiêu kép, mang tính tất yếu, góp phần hiện đại hóa nền giáo dục Việt Nam, kết nối giáo dục Việt Nam với các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, mở rộng tầm nhìn và bậc thang giá trị vượt ra biên giới quốc gia, hướng tới những chuẩn mực chung toàn nhân loại. Đứng trước xu hướng toàn cầu hóa và gia tăng áp lực nhanh chóng từ trong và ngoài nước về nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động trong mỗi nhà trường đòi hỏi các cán bộ quản lý giáo dục, các nhà quản trị trường học cần có những thay đổi từ chính mình; Hội tụ trí tuệ, năng lực và phẩm chất đáp ứng yêu cầu của xã hội thông qua sự hợp nhất các lý thuyết về quản lý giáo dục, quản trị trường học tiên tiến hiện nay cùng với các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đã được Bộ Giáo dục ban hành.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng ta đã nhấn mạnh các đột phá chiến lược, trong đó *“Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo”*. Hiện nay, cả nước có gần 1,5 triệu nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục (CBQLGD), trong đó đội ngũ CBQLGD chiếm khoảng 10%. Tỷ lệ đội ngũ CBQLGD ở các cấp như sau: khoảng 18% ở giáo dục mầm non, 65% ở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, 6% ở giáo dục cao đẳng, đại học, 11% ở cơ quan quản lý giáo dục các cấp(1). Đội ngũ CBQLGD phần lớn là những nhà giáo khá, giỏi được bổ nhiệm, điều động sang làm công tác quản lý, đa số là những người năng động, thích ứng nhanh với sự đổi mới giáo dục và đào tạo. Nhiều thầy, cô giáo, CBQLGD đã nỗ lực vượt khó vươn lên hoàn thiện về chuyên môn, nghiệp vụ, là tấm gương sáng về đạo đức, sự tận tụy, tâm huyết với nghề. Có những

thầy, cô đã hy sinh cả tuổi xuân của mình, hết lòng vì học sinh, bám trường, bám lớp, trở thành người cha, người mẹ thứ hai của các em ở những vùng sâu, vùng xa, vùng điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, biên giới, hải đảo. Nhìn chung, đội ngũ nhà giáo và cán bộ QLGD phát triển cả về số lượng và chất lượng, với cơ cấu ngày càng hợp lý; trong đó, chất lượng của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đã góp phần quyết định thành quả của sự nghiệp giáo dục.

Trong những năm qua, kinh tế-xã hội của tỉnh Thanh Hóa đã và đang phát triển nhanh và bền vững, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, tạo điều kiện để phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục tỉnh nhà. Công tác xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo nói chung, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông nói riêng luôn được các cấp ủy Đảng, chính quyền, địa phương của tỉnh quan tâm. Phẩm chất đạo đức, lập trường tư tưởng chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo ngày càng nâng cao. Đội ngũ nhà giáo có nhiều đóng góp nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, trước yêu cầu về đổi mới giáo dục hiện nay, số lượng, chất lượng và cơ cấu đội ngũ CBQL chất lượng cao còn hạn chế, còn một bộ phận chưa đáp ứng được yêu cầu cần tiếp tục được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hoặc được xem xét, bố trí công tác phù hợp.

Trong bối cảnh đó, việc phát triển xây dựng chuyên ngành tiến sĩ QLGD đạt chuẩn, đáp ứng bổ sung nguồn nhân lực trình độ cao cấp chuyên gia cho ngành Quản lý giáo dục và cần thiết và cấp bách. Đây là một trong ba khâu đột phá chiến lược đã được nhấn mạnh trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 Khóa XI đã xác định một trong những nhiệm vụ, giải pháp để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là “Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo”, trong đó nêu rõ: “*Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo...*”

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa Quyết định số 2220/QĐ-UBND Ban hành Đề án “Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Thanh Hóa đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” đã nêu: “*Tập trung bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, năng lực quản lý; tiếp tục đổi mới công tác quản lý, quản trị nhà trường; Bồi dưỡng thường xuyên đáp ứng yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ và năng lực, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*”. Muốn thực hiện được điều này, việc phát triển các chuyên gia về QLGD được xem là khâu then chốt.

Trường Đại học Hồng Đức với sứ mệnh là “Đơn vị đào tạo nguồn nhân lực đa lĩnh vực, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước”. Đến năm 2030, Trường Đại học Hồng Đức là địa chỉ tin cậy, có uy tín về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ở một số chuyên ngành mũi nhọn thuộc các ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, giáo dục, kỹ thuật công nghệ, nông - lâm - ngư nghiệp, kinh tế đạt trình độ ngang tầm với các trường đại học lớn trong khu vực miền Trung. Vì vậy, nghiên cứu mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ QLGD là một trong những nhiệm vụ đã được định hướng trong chiến lược phát triển của trường Đại học Hồng Đức, là minh chứng thể hiện sự đóng góp của Nhà trường trong đào tạo nhân tài phục vụ phát triển của quê hương và đất nước.

Đề thấy rõ hơn nhu cầu của xã hội về học tập nâng cao trình độ và sự cần thiết của việc mở ngành đào tạo tiến sĩ QLGD, Khoa đã thực hiện phỏng vấn các cán bộ quản lý, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, trưởng, phó phòng Giáo dục & Đào tạo các huyện, thị, các cựu học viên cao học, các cơ sở đào tạo đại học và cao đẳng về nhu cầu học trình độ tiến sĩ Quản lý giáo dục. Trong số những người được hỏi, đều mong muốn được học tập nâng cao trình độ và được học tập tại trường Đại học Hồng Đức chuyên ngành Tiến sĩ QLGD.

Kết quả này cho thấy, đào tạo đội ngũ cán bộ QLGD chất lượng cao để đáp ứng với nhu cầu của cơ sở đào tạo; phát triển giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo trong thời gian sắp tới là thực sự cần thiết. Việc đi đầu và nắm bắt các xu hướng phát triển đang diễn ra được xem là khâu đột phá, đổi mới sáng tạo, quyết định tới chất lượng giáo dục. Do vậy, họ mong muốn được tiếp cận với phương pháp luận nghiên cứu chuyên sâu và các kiến thức cập nhật. Ngoài ra, một số người cũng mong muốn học tiếp trình độ tiến sĩ QLGD để khẳng định vị trí chuyên môn, phát triển bản thân và mong muốn được cống hiến nhiều hơn cho sự phát triển của các cơ sở giáo dục. Từ những yêu cầu đó, nhu cầu phát triển năng lực chuyên môn trình độ chuyên gia của các cơ sở giáo dục ngày càng trở nên cấp thiết. Do vậy, việc mở ngành mới chuyên ngành đào tạo tiến sĩ QLGD là một hướng đi cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu cấp bách về nhân lực chuyên gia giáo dục trên địa bàn Tỉnh, cũng như phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của Trường Đại học Hồng Đức.

2.2. Căn cứ nhu cầu xã hội đối với lĩnh vực đào tạo

Qua khảo sát thực tế cựu học viên cao học chuyên ngành thạc sĩ QLGD của Trường Đại học Hồng Đức; Các cơ sở đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp; Các cơ sở giáo dục, các Sở, Ban, Ngành đang sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao ngành QLGD trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá cũng như các tỉnh ngoài cho thấy: Nhu cầu học tập nâng cao trình độ về chuyên ngành tiến sĩ QLGD của các cựu học viên; Các cơ sở đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp; Các cơ sở giáo dục, các sở, ban, ngành là khá lớn và có nhiều tiềm

năng. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay rất cần có đội ngũ cán bộ quản lý có đủ phẩm chất, năng lực, có khả năng nắm bắt được xu hướng của thời đại; có năng lực hoạch định các chiến lược phát triển đơn vị; Có khả năng phân tích, đánh giá các biến đổi của xã hội; Có khả năng đáp ứng nhu cầu giảng dạy bậc đại học và sau đại học, quản lý ở các cơ sở giáo dục. Điều này dẫn tới nhu cầu tuyển dụng, đào tạo nguồn cán bộ QLGD ngày càng cao.

Tính đến 15/7/2023, Trường Đại học Hồng Đức đang tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành QLGD. Nhà trường đã tổ chức đào tạo được 8 khoá (từ năm 2015) với tổng số 545 học viên (bao gồm cả 71 học viên cao học trúng tuyển nhập học đợt 1 năm 2023), đã có 5 khoá với tổng số 360 học viên bảo vệ thành công luận văn và được cấp bằng thạc sĩ. Với bề dày lịch sử về đào tạo và bồi dưỡng thạc sĩ chuyên ngành QLGD trong thời gian qua, chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành QLGD đã được kiểm định chất lượng đạt yêu cầu. Đội ngũ cán bộ, giảng viên chuyên ngành QLGD có khả năng đáp ứng tốt với nhu cầu hiện tại với các giảng viên có trình độ chuyên môn cao được đào tạo từ các cơ sở giáo dục có uy tín. Nhà trường hiện tại có 02 giảng viên có học hàm Phó Giáo sư, 05 giảng viên có học vị tiến sĩ chuyên ngành phù hợp có kinh nghiệm quản lý đào tạo và giảng dạy, đảm bảo chịu trách nhiệm xây dựng, tổ chức, thực hiện chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành QLGD. Ngoài ra, Nhà trường hiện có 01 giảng viên vừa bảo vệ thành công luận án tiến sĩ ở Hungari, 01 giảng viên (khoa Tâm lý – Giáo dục) đang học nghiên cứu sinh QLGD trong nước. Dự kiến các năm tiếp theo, đội ngũ giảng viên chuyên ngành QLGD, giáo dục học của Nhà trường tiếp tục tham gia đào tạo trình độ tiến sĩ theo Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ hằng năm. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường đáp ứng đầy đủ yêu cầu đào tạo.

Bên cạnh đó, nhằm làm rõ nhu cầu về sự cần thiết của việc mở đào tạo tiến sĩ QLGD, Ban đề án đã thực hiện khảo sát 450 người tại các cơ sở giáo dục (là cựu học viên, học viên) đã và đang theo học tại trường trường... về nhu cầu đào tạo tiến sĩ QLGD thông qua phiếu trực tiếp. Số lượng phiếu khảo sát thu về là 355 người, chiếm tỷ lệ 51,55% trong đó có 5 người có nhu cầu học ngay trong năm 2024, 6 người có nhu cầu học ở năm 2025, 9 người đăng ký học năm 2026, 80 người còn phân vân, 255 người không có nhu cầu. Việc khảo sát thu thập số liệu được tiến hành từ tháng 7 đến tháng 8/2023.

Như vậy, nhu cầu nhân lực nghiên cứu/giảng dạy, lãnh đạo/quản lý giáo dục trong các cơ quan quản lý giáo dục và các cơ sở giáo dục là rất lớn. Nguồn nhân lực có trình độ Tiến sĩ QLGD có thể tham gia nghiên cứu và giải quyết các vấn đề chuyên sâu trong phát triển giáo dục và QLGD trong bối cảnh toàn cầu hóa và yêu cầu đổi mới giáo dục. Do đó, việc đào tạo nhân lực có trình độ Tiến sĩ QLGD sẽ góp phần nâng cao chất lượng nhân lực nghiên cứu/giảng dạy, lãnh đạo/quản lý trong lĩnh vực giáo dục tỉnh nhà cũng như các tỉnh lân cận.

Trên cơ sở phân tích xu thế và nhu cầu đào tạo Tiến sĩ Quản lý giáo dục được phân tích và làm rõ trong Tờ trình số 572/TTr - ĐHHĐ ngày 19/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức gửi Hội đồng trường về việc mở ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ QLGD; Hội đồng Trường đã thảo luận và ban hành Nghị quyết số 28/NQ - HĐT ngày 10/10/2023 về chủ trương mở mới chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ QLGD đồng ý chủ trương mở mới ngành Tiến sĩ QLGD theo đề nghị. Trên cơ sở đó Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức đã ban hành Quyết định số 3001/QĐ-ĐHHĐ ngày 18/10/2023 Thành lập Ban đề án mở ngành Tiến sĩ QLGD và quyết định số 3122/QĐ-ĐHHĐ ngày 31/10/2023 Thành lập Ban soạn thảo CTĐT trình độ Tiến sĩ chuyên ngành QLGD. Trên cơ sở đó các bộ phận liên tiến hành xây dựng và thẩm định Đề án mở ngành và CTĐT trình độ Tiến sĩ QLGD (có các văn bản và quyết định minh chứng kèm theo).

PHẦN 3 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Thông tin về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Quản lý giáo dục
Tên chương trình (tiếng Anh)	Educational management
Trình độ đào tạo	Tiến sĩ
Mã chuyên ngành đào tạo	9140114
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình	Khoa Tâm lý Giáo dục, Bộ môn Giáo dục học
Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Hình thức tuyển sinh	Kết hợp xét tuyển và thi tuyển/Thi tuyển/Xét tuyển
Thời gian đào tạo	- Từ 36 tháng đến 60 tháng với người đã có bằng thạc sĩ - Từ 36 tháng đến 72 tháng với người chưa có bằng thạc sĩ
Hình thức đào tạo	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu	- 90 TC với người đã có bằng thạc sĩ - 120 TC với người chưa có bằng thạc sĩ
Điều kiện tốt nghiệp	Hoàn thành các học phần đáp ứng CDR của CTĐT và bảo vệ thành công luận án
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp	Tiến sĩ Quản lý giáo dục /Doctor of Philosophy in Educational management

Vị trí làm việc	Nghiên cứu sinh tốt nghiệp ngành Quản lý giáo dục có thể công tác với tư cách là nhà nghiên cứu độc lập, nhà khoa học, nhà quản lý, giảng viên tại các trường Đại học, Cao đẳng và Viện nghiên cứu; Giảng viên, chuyên viên các trường cao đẳng, đại học; giáo viên các trường phổ thông; chuyên viên các Sở Giáo dục và cán bộ nghiên cứu về Giáo dục học, Quản lý giáo dục trong nước và nước ngoài.
Khả năng học tập nâng cao trình độ	Sau tiến sĩ ở trong và ngoài nước
Chương trình tham khảo	Đại học sư phạm Hà Nội, Học viện Quản lý giáo dục, Đại học sư phạm 2, ĐH Giáo dục (ĐH Quốc Gia Hà Nội), ĐH De La Salle (Philippine), ĐH Bolton (Anh)

3.2. Mục tiêu, chuẩn đầu ra

3.2.1. Mục tiêu

3.2.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo tiến sĩ Quản lý giáo dục có kiến thức lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu về khoa học Quản lý giáo dục (QLGD) và năng lực ứng dụng để giải quyết các vấn đề lý luận, thực tế QLGD đặt ra; Có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện những vấn đề mới trong khoa học giáo dục và QLGD; Hướng dẫn NCKH và hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực QLGD gắn với bối cảnh hội nhập quốc tế và năng lực QLGD số để hướng dẫn nghiên cứu khoa học và dẫn dắt chuyên môn trong cả nước và quốc tế.

3.2.1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1 Có kiến thức thực tế và lý thuyết cốt lõi nền tảng về lý thuyết quản lý hiện đại trong QLGD gắn với bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; Có kiến thức tiên tiến, chuyên sâu về phát triển chương trình giáo dục, mô hình quản lý chất lượng giáo dục và nghiên cứu khoa học QLGD;

PO2. Có kỹ năng ứng dụng lý thuyết cốt lõi, nền tảng về QLGD phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học để giải quyết các vấn đề lý luận, thực tiễn quản lý và nghiên cứu khoa học QLGD một cách độc lập, sáng tạo; Có kỹ năng ứng dụng lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu về QLGD; phát triển chương trình giáo dục; quản lý giáo dục số để phát triển những tri thức mới về quản lý, nghiên cứu khoa học QLGD và điều hành chuyên môn, giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra;

PO3. Có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo; năng lực hướng dẫn nghiên cứu khoa học và dẫn dắt chuyên môn, tư vấn chính sách với tinh thần tự chủ và trách nhiệm cao.

3.2.2. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành CTĐT, tiến sĩ QLGD đạt được các chuẩn đầu ra sau:

* Kiến thức

PLO1. **Vận dụng** được kiến thức cốt lõi, chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện thuộc khoa học QLGD trong nghiên cứu học thuật và phát triển nguyên lý, nội dung lý thuyết của chuyên ngành QLGD để quản trị cơ sở giáo dục và tổ chức nghiên cứu khoa học QLGD; **xây dựng văn hóa tổ chức**

PLO2. **Phân tích** được những kiến thức tiên tiến, chuyên sâu về phát triển chương trình giáo dục; mô hình quản lý chất lượng giáo dục và nghiên cứu khoa học QLGD

PLO3. **Đánh giá** được kiến thức cốt lõi, nền tảng về khoa học QLGD hiện đại gắn với bối cảnh hội nhập trong thực tiễn nghề nghiệp.

* Kỹ năng

PLO4. **Kỹ năng làm chủ** các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển khoa học QLGD; Kỹ năng tổng hợp, bổ sung tri thức chuyên môn; Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề trong khoa học giáo dục và QLGD; đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo ...

PLO5. **Phân tích** được các vấn đề lý luận, thực tiễn về khoa học QLGD để đưa ra hướng xử lý một cách sáng tạo trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; Xây dựng và áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng trong các cơ sở giáo dục; **phát triển chương trình giáo dục hiện đại.**

PLO6. **Vận dụng** được kiến thức, kỹ năng về khoa học QLGD hiện đại để tư vấn, dẫn dắt đồng nghiệp, tư vấn chính sách trong QLGD và đưa ra kết luận mang tính chuyên gia; Thiết lập được các mối quan hệ với các nhà khoa học trong nước, quốc tế để thảo luận những vấn đề mới về chuyên môn và phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học QLGD; **xây dựng văn hóa tổ chức.**

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO7. Tổ chức được hoạt động nghiên cứu **độc lập, sáng tạo** để phát triển tri thức chuyên môn một cách tự chủ và trách nhiệm

PLO8. Có phong cách làm việc chuyên nghiệp, thái độ cầu thị, khiêm nhường, hợp tác, cẩn thận trong học tập. Có đạo đức và liêm chính trong nghiên cứu

Bảng 3.1: Mô tả chi tiết chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PI là tập hợp con của PLO

PLO_m	Nội dung PLO_m	PI_m	Nội dung PI_m
PLO1	Vận dụng được kiến thức cốt lõi, chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện thuộc khoa học	PI1.1	Vận dụng các kiến thức cốt lõi, chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện thuộc khoa học QLGD trong nghiên cứu học thuật

	QLGD trong nghiên cứu học thuật và phát triển nguyên lý, nội dung lý thuyết của chuyên ngành QLGD để quản trị cơ sở giáo dục và tổ chức nghiên cứu khoa học QLGD;	PI1.2	Vận dụng các kiến thức cốt lõi, chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện thuộc khoa học QLGD để phát triển nguyên lý, nội dung lý thuyết của chuyên ngành QLGD
		PI1.3	Vận dụng các kiến thức cốt lõi, chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện thuộc khoa học QLGD để quản trị cơ sở giáo dục và tổ chức nghiên cứu khoa học QLGD; xây dựng văn hóa tổ chức
PLO2	Phân tích được những kiến thức tiên tiến, chuyên sâu về phát triển chương trình giáo dục; mô hình quản lý chất lượng giáo dục và nghiên cứu khoa học QLGD	PI2.1	Phân tích được những kiến thức tiên tiến, chuyên sâu về phát triển chương trình giáo dục;
		PI2.2	Phân tích được những kiến thức tiên tiến, chuyên sâu về mô hình quản lý chất lượng giáo dục ở các cơ sở giáo dục
		PI2.3	Phân tích được những kiến thức tiên tiến, chuyên sâu về nghiên cứu khoa học QLGD
PLO3	Đánh giá được kiến thức cốt lõi, nền tảng về khoa học QLGD hiện đại gắn với bối cảnh hội nhập trong thực tiễn nghề nghiệp;	PI3.1	Đánh giá được kiến thức cốt lõi, nền tảng về khoa học QLGD trong bối cảnh hội nhập quốc tế
		PI3.2	Đánh giá được kiến thức cốt lõi, nền tảng về khoa học QLGD trong hoạt động nghề nghiệp
PLO4	Làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển khoa học QLGD; tổng hợp, bổ sung tri thức chuyên môn trong lĩnh vực QLGD; Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề trong khoa học giáo dục và QLGD; đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo trong quản lý chuyên môn và QLGD.	PI4.1	Làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển khoa học QLGD;
		PI4.2	Tổng hợp, bổ sung tri thức chuyên môn trong lĩnh vực QLGD
		PI4.3	Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề trong khoa học giáo dục và QLGD;
		PI4.4	Có khả năng đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo trong quản lý chuyên môn và QLGD.
PLO5	Phân tích được các vấn đề lý luận, thực tiễn về khoa học QLGD để đưa ra hướng xử lý một cách sáng tạo trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; Xây dựng và áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng trong các cơ sở giáo dục	PI5.1	Phân tích được các vấn đề lý luận, thực tiễn về khoa học QLGD để đưa ra hướng xử lý một cách sáng tạo trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn;
		PI5.2	Xây dựng và áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng trong các cơ sở giáo dục

PLO6	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về khoa học QLGD hiện đại để tư vấn, dẫn dắt đồng nghiệp, tư vấn chính sách trong QLGD và đưa ra kết luận mang tính chuyên gia; Thiết lập được các mối quan hệ với các nhà khoa học trong nước, quốc tế để thảo luận những vấn đề mới về chuyên môn và phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học QLGD	PI6.1	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về khoa học QLGD hiện đại để tư vấn, dẫn dắt đồng nghiệp, tư vấn chính sách trong QLGD và đưa ra kết luận mang tính chuyên gia;
		PI6.2	Thiết lập được các mối quan hệ với các nhà khoa học trong nước, quốc tế để thảo luận những vấn đề mới về chuyên môn và phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học QLGD; xây dựng văn hóa tổ chức
PLO7	Tổ chức được hoạt động nghiên cứu độc lập, sáng tạo để phát triển tri thức chuyên môn một cách tự chủ và trách nhiệm.	PI7.1	Tổ chức được hoạt động nghiên cứu một cách tự chủ và trách nhiệm.
		PI7.2	Tổ chức phát triển tri thức chuyên môn một cách tự chủ và trách nhiệm
PLO8	Có phong cách làm việc chuyên nghiệp, thái độ cầu thị, khiêm nhường, hợp tác, cẩn thận trong học tập. Có đạo đức và liêm chính trong nghiên cứu	PI8.1	Có phong cách làm việc cầu thị, rõ ràng với đồng nghiệp và nhóm nghiên cứu, sẵn sàng hợp tác chia sẻ các chủ đề nghiên cứu
		PI8.2	Tuân thủ các quy tắc nghiên cứu trong nước và quốc tế; đạo đức quy định trích dẫn; tính bảo mật và quyền riêng tư của cá nhân tham gia nghiên cứu

3.2.3. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Đức (ban hành theo Quyết định số 2499/QĐ-ĐHHĐ ngày 22/12/2021), chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo bao gồm người có bằng Thạc sĩ **đúng** chuyên ngành, phù hợp với chuyên ngành đào tạo Tiến sĩ; Có bằng **Thạc sĩ các ngành khác và có bằng tốt nghiệp Đại học các ngành đúng/phù hợp/gần**; **Tốt nghiệp Đại học xếp loại Xuất sắc, Giỏi các chuyên ngành đúng/phù hợp với chuyên ngành đào tạo Tiến sĩ hoặc bằng đại học hạng giỏi** trở lên ngành **phù hợp, ngành gần** hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương Bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ; có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên); có năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu

Danh sách Bằng thạc sĩ ngành phù hợp

Thuộc nhóm ngành khoa học giáo dục được qui định tại *Thông tư 09/2022/TT - BGDĐT quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học*. Cụ thể:

TT	Ngành	Mã ngành
1	Giáo dục học;	Mã ngành: 8140101

2	Lý luận và phương pháp dạy học	Mã ngành: 8140110
3	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	Mã ngành: 8140111
4	Giáo dục và phát triển cộng đồng	Mã ngành: 8140113
5	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Mã ngành: 8140115
6	Thiết kế phương tiện giáo dục, giảng dạy	Mã ngành: 8140116
7	Giáo dục quốc tế và so sánh	Mã ngành: 8140117
8	Giáo dục đặc biệt	Mã ngành: 8140118

Danh sách Bằng đại học các ngành đúng/phù hợp/gần

TT	Ngành	Mã ngành
1	Khoa học giáo dục	71401
2	Đào tạo giáo viên	71402
3	Quản trị - Quản lý	73404
4	Công tác xã hội	77601
5	Tâm lý học	73104
6	Quản lý văn hóa	7229042
7	Quản lý nhà nước	7310205
8	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202
9	Quản lý thông tin	7320205
10	Quản lý thể dục thể thao	7810301
11	Xã hội học	7310301
12	Nhân học	7310302

Các trường hợp khác do Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức quyết định.

3.3. Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo

3.3.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Khối kiến thức cơ sở: 07 TC	Bắt buộc	07
		Tự chọn	0
2	Kiến thức chuyên ngành: 03TC	Bắt buộc	0
		Tự chọn	03
3	Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ	Bắt buộc	08 (2 +6)
4	Luận án tiến sĩ	Bắt buộc	72
Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 90 TC			

3.3.2 Nội dung chương trình và kế hoạch đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng giờ tín chỉ				Học kỳ	Bộ môn phụ trách học phần
				Lý thuyết	Thảo luận / Bài tập	Thực hành	Tự học		
1		Các học phần học bổ sung							
1.1		Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ							
		Học các học phần thuộc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành QLGD theo chương trình đào tạo hiện hành (<i>Phụ lục 1 kèm theo</i>)	30	300	200	100	2700	1,2,3	GDH
1.2		Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ							
		1.2.1. Bằng thạc sĩ ngành khác và có bằng tốt nghiệp Đại học các ngành đúng/phù hợp/gần	15					1,2	
(1)	1GD104	Khoa học tổ chức và quản lý	03	30	20	10	135		GDH
(2)	1GD105	Phương pháp nghiên cứu khoa học QLGD	03	30	20	10	135		
(3)	1QG208	Chính sách và kế hoạch phát triển giáo dục	03	30	20	10	135		
(4)	1GD201	Tiếp cận hiện đại và Quản lý sự thay đổi trong giáo dục	03	30	20	10	135		
(5)	1GD202	Quản lý xây dựng văn hoá nhà trường	03	30	20	10	135		
		1.2.2. Bằng thạc sĩ ngành phù hợp	09						
(1)	1GD104	Khoa học tổ chức và quản lý	03	30	20	10	135		
(2)	1GD105	Phương pháp nghiên cứu khoa học QLGD	03	30	20	10	135		
(3)	1GD201	Tiếp cận hiện đại và Quản lý sự thay đổi trong giáo dục	03	30	20	10	135		

TT	Mã học	Tên học phần	Số	Tổng giờ tín chỉ				Học	Bộ môn
2		Các học phần ở trình độ tiến sĩ	10						
		<i>Học phần bắt buộc</i>							
2.1	9GD211	Quản lý giáo dục trong <i>bối cảnh hiện nay</i>	3	30	20	10	135	1	GDH
2.2	9GD212	Tổ chức nghiên cứu khoa học QLGD	4	40	30	10	180	2	GDH
2.3		<i>Học phần tự chọn (chọn 1 trong 3)</i>	3						
2.3.1	9GD213	Phát triển và quản lý chương trình giáo dục hiện đại	3	30	20	10	135	2	GDH
2.3.2	9GD214	Quản lý chất lượng giáo dục	3	30	20	10	135	2	GDH
2.3.3	9GD215	Xây dựng văn hóa tổ chức	3	30	20	10	135	2	GDH
3		Các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan	8						
3.1		<i>Tiểu luận tổng quan</i>	2			60		3	GDH
3.2		<i>Các chuyên đề tiến sĩ</i>	6						GDH
	9CĐ201	Chuyên đề 1	2			60		3	
	9CĐ202	Chuyên đề 2	2			60		3	
	9CĐ203	Chuyên đề 3	2			60		3	
4		Luận án tiến sĩ	72			2160		4,5,6	GDH
		Tổng số	90						

3.4. Đội ngũ giảng viên đủ điều kiện giảng dạy và hướng dẫn

3.4.1. Đội ngũ giảng viên

Chức danh/Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
Phó Giáo sư, tiến sĩ	01	02	03
Tiến sĩ	01	02	06
Tổng cộng:	6		

Cụ thể:

STT	Tên giảng viên	Học hàm, học vị	Đơn vị
1	Hoàng Thị Mai	PGS, TS	Trường Đại học Hồng Đức
2	Nguyễn Thị Hà Lan	PGS, TS	Trường Đại học Hồng Đức
3	Nguyễn Hữu Hậu	PGS, TS	Trường Đại học Hồng Đức
4	Lê Thị Thu Hà	TS	Trường Đại học Hồng Đức
5	Nguyễn Thị Thanh	TS	Trường Đại học Hồng Đức
6	Lê Minh Hiền	TS	Trường Đại học Hồng Đức

3.4.2. Phòng học

- Hệ thống phòng học tại các giảng đường: Hệ thống phòng học phục vụ công tác dạy - học được trang bị đồng bộ, hiện đại với đầy đủ trang thiết bị như: máy chiếu, màn hình, bảng viết, bàn ghế, quạt...

- Các phòng học máy tính được trang bị đầy đủ máy tính với các phần mềm chuyên môn phục vụ việc học và thực hành; Phòng tự học, phòng thảo luận tại Trung tâm thư viện cũng được trang bị máy tính có kết nối internet, wifi...

3.4.3. Các phòng thí nghiệm và hệ thống trang thiết bị liên quan:

Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị quan trọng

Để đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT cần trang bị hệ thống phòng học được trang bị máy chiếu, loa mic và các điều kiện cần thiết cho dạy và học.

Hiện tại nhà trường đã trang bị hệ thống phòng học hiện đại, có đầy đủ hệ thống quạt và hệ thống chiếu sáng, máy chiếu đảm bảo phục vụ tốt công tác đào tạo.

Thư viện:

Thư viện nhà trường có diện tích 5166 m², được tổ chức theo hình thức kho mở với 04 phòng đọc, 500 chỗ ngồi. Cơ sở vật chất hiện đại với hệ thống 130 máy tính, được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ bạn đọc tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu số đã được cấp quyền truy cập trên mạng, 6 phòng học nhóm, 2 phòng hội thảo, 1 phòng quản trị mạng, 4 phòng làm việc nghiệp vụ, 1 kho lưu. Các phòng hội thảo, phòng đọc, phòng học nhóm được trang bị hệ thống camera, máy chiếu, điều hoà phục vụ

người sử dụng thư viện. Hiện tại, Trung tâm đang phục vụ 15.397 đầu sách với số lượng 154.935 bản, 2870 cuốn luận văn, luận án, đồ án các loại.

Năm 2021, Nhà trường đã có thư viện điện tử (phần mềm tra cứu Thư viện Libol) với tài liệu số hóa, ebooks, thư viện hiện nay đã được đầu tư mới với kiến trúc hiện đại của một thư viện mở, diện tích sử dụng rộng rãi. Nội thất thư viện được thiết kế mới, bố trí khoa học phù hợp cho nhiều đối tượng người dùng. Hằng năm, Nhà trường luôn rà soát lại hệ thống tài liệu, giáo trình học tập để xây dựng kế hoạch mua bổ sung các tài liệu, giáo trình, tạp chí chuyên ngành phục vụ yêu cầu ngày càng cao trong đào tạo và NCKH. Nhờ đó nguồn tài liệu, tạp chí, của Trung tâm luôn luôn được đổi mới đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu cho các nghiên cứu sinh ngành KHMT.

Nhà trường có Thư viện truyền thống, thư viện điện tử đáp ứng yêu cầu theo quy định. Web của Trung tâm Thông tin thư viện nhà trường <http://tttv.hdu.edu.vn/>

Ngoài ra Nhà trường còn hợp tác với các nguồn dữ liệu số trong nước và quốc tế có phong nguồn tài liệu số phục vụ quá trình đào tạo, CBGV, người học có thể truy cập tài liệu từ các nguồn:

Thư viện điện tử nước ngoài: 5 nguồn

1. <https://www.sciencedirect.com/>
2. <https://journals.sagepub.com/>
3. <https://www.emerald.com/insight/>
4. <https://portal.igpublish.com/iglibrary/>
5. <https://link.springer.com/>

Thư viện số trong nước

1. Thư viện số Trường ĐH Hồng Đức: <http://thuvienso.hdu.edu.vn/>
2. Trung tâm Tri thức số: <http://digitalknowledgehub.nala.edu.vn/>
3. Trung tâm số Đại học Thái Nguyên: <http://tailieudientu.lrc.tnu.edu.vn/>
4. Thư viện số đại học Hải Phòng: <http://lib.dhhp.edu.vn/>
5. Trung tâm Thư viện và Tri thức số Đại học quốc gia Hà Nội:
<https://repository.vnu.edu.vn/>

3.4.4. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan

STT	Cơ quan	Địa điểm
1	Các trường mầm non, phổ thông	Tỉnh Thanh Hóa
2	Các trường mầm non, phổ thông	TP Hà Nội
3	Các trường Đại học	TP Hà Nội
4	Các trường Đại học	TP Hồ Chí Minh
5	Viện nghiên cứu giáo dục	Hà Nội
6	Viện nghiên cứu giáo dục	TP HCM

STT	Cơ quan	Địa điểm
7	Học viện QLGD	Hà Nội
8	Học viện QLGD	TP HCM

3.5. Đề cương học phần

Đề cương học phần chương trình đào tạo tiến sĩ

9GD211. QUẢN LÝ GIÁO DỤC TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY/ Educational management in the current context

1. Mô tả học phần

Học phần phân tích các tác động của bối cảnh hiện nay như đổi mới giáo dục, hội nhập quốc tế, chuyển đổi số; Đổi mới mô hình và phương pháp quản lý và lãnh đạo giáo dục, yêu cầu nâng cao năng lực quản lý và lãnh đạo của đội ngũ cán bộ quản lý và lãnh đạo giáo dục (ở cả cấp độ hệ thống và cấp độ cơ sở giáo dục) theo bối cảnh hiện nay.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Người học hiểu, phân tích được những tác động của bối cảnh hiện nay như đổi mới giáo dục, hội nhập quốc tế, chuyển đổi số đến QLGD, đổi mới mô hình và phương pháp quản lý và lãnh đạo.

CO2: Người học hình thành tư duy và năng lực quản lý và lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục giáo dục phù hợp với bối cảnh hiện nay.

CO3: Hình thành phẩm chất, phong cách quản lý và lãnh đạo phù hợp với bối cảnh hiện nay.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

3.1. Kiến thức

CLO1: Hiểu được và giải thích được những tác động của bối cảnh hiện nay như đổi mới giáo dục, hội nhập quốc tế, chuyển đổi số đến đổi mới mô hình và phương pháp quản lý và lãnh đạo giáo dục QLGD.

CLO2: Xác định được các yêu cầu đối với người quản lý và lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục giáo dục phù hợp với bối cảnh hiện nay.

3.2. Kỹ năng

CLO3: Vận dụng những tác động của bối cảnh trong nước và quốc tế để hoạch định và tổ chức điều hành cơ sở giáo dục đạt hiệu quả

CLO4: Có năng lực tổ chức, lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục giáo dục theo yêu cầu đổi mới giáo dục, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số

3.3. Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm

CLO5: Luôn chịu trách nhiệm giải trình xã hội trong thực thi nhiệm vụ quản lý và lãnh đạo

4. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Bối cảnh hiện nay và những thách thức đối với giáo dục ở Việt Nam

24 (12LT, 12BT, TL 0TH)

1. Bối cảnh hiện nay

1.1. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ và nền kinh tế tri thức (The Knowledge Economy)

1.2. **Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, đào tạo**

1.3. **Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế**

1.4. **Xu thế chuyển đổi số trong giáo dục**

1.5. Xu thế xây dựng xã hội học tập

2. Những thách thức đối với GD Việt Nam hiện nay

Chương 2: Những vấn đề đặt ra cho quản lý và lãnh đạo nhà trường ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay

36 (18LT, 8BT, TL 1 0TH)

2.1. Yêu cầu về phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp của người quản lý và lãnh đạo trường học

2.2. Yêu cầu về các năng lực quản lý và lãnh đạo trường học trong bối cảnh hiện nay

2.2.1. Năng lực xây dựng chiến lược phát triển nhà trường để hoàn thành mục tiêu và sứ mệnh

2.2.2. Năng lực giám sát đánh giá tiến độ thực hiện mục tiêu

2.2.3. Năng lực xây dựng và duy trì một môi trường giáo dục theo định hướng kết quả

2.2.4. Năng lực chỉ đạo chuyên môn

2.2.5. Năng lực định hướng các hoạt động của nhà trường vì sự tiến bộ của tất cả học sinh

2.2.6. Năng lực thiết lập và duy trì bầu không khí làm việc tích cực trong nhà trường

2.2.7. Năng lực đảm bảo một môi trường học tập an ninh, an toàn

2.2.8. Năng lực giám sát và đánh giá cán bộ

2.2.9. Năng lực thúc đẩy và chỉ đạo việc phát triển chuyên môn của cán bộ giáo viên

2.2.10. Năng lực khuyến khích giáo viên và những người khác làm lãnh đạo

2.2.11. Quản lý tài chính, cơ sở vật chất và trang thiết bị

2.2.12. Năng lực quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin

2.2.13. Quản lý hành chính

2.3. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực của hiệu trưởng các trường có thành tích hoạt động tốt trong nhiều hoàn cảnh (theo McBer)

- 2.3.1. Tư duy phân tích
- 2.3.2. Thử thách và ủng hộ
- 2.3.3. Tự tin
- 2.3.4. Phát triển tiềm năng
- 2.3.5. Dẫn dắt quá trình đổi mới
- 2.3.6. Làm cho mọi người thấy được trách nhiệm.
- 2.3.7. Tác động và gây ảnh hưởng
- 2.3.8. Tìm kiếm thông tin
- 2.3.9. Sáng kiến
- 2.3.10. Chính trực
- 2.3.11. Niềm tin cá nhân
- 2.3.12. Tôn trọng những người khác
- 2.3.13. Suy nghĩ chiến lược
- 2.3.14. Làm việc theo nhóm
- 2.3.15. Lãnh đạo chuyên hoá
- 2.3.16. Hiểu biết về môi trường
- 2.3.17. Hiểu về những người khác

2.4. Liên hệ với thực tiễn đối với quản lý nhà trường nơi đang công tác

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	X	X	X		
Vấn đáp	X	X	X	X	X
Tự học	X	X	X	X	X
Thảo luận	X	X	X	X	X
Thực hành	X	X	X	X	X
Hoạt động nhóm	X	X	X	X	X
Hướng dẫn	X	X	X	X	X
Nghiên cứu tình huống	X	X	X	X	X
Tham quan				X	X
Chuyên đề	X	X	X	X	X

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
-----	--------------------	------------------	------------------	----------

Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1- CLO5	30%
2	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1- CLO5	
Chuyên cần, tích cực				
1	Số buổi đi học Ý thức, tinh thần, trách nhiệm trong học tập	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	20%
Thi cuối kì 50%				
1	Thi tự luận hoặc vấn đáp, viết tiểu luận	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp, tiểu luận	CLO1-CLO5	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với người học

- Có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần : NCS phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập : NCS phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Điểm quá trình: Phải có đủ điểm thường xuyên theo qui định.
- Điểm thi kết thúc học phần: NCS phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn NCS tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của NCS.

9. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/tài liệu bắt buộc

1. Bùi Minh Hiền, Nguyễn Vũ Bích Hiền (chủ biên) 2016), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường*, NXB ĐHSP
2. **Trần Kiểm (2016), *Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.**

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Thanh Bình (2008), *Giáo dục Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Đại học Sư phạm.

9GD212. TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC QUẢN LÝ GIÁO DỤC/ Organize scientific research on educational management

- Số tín chỉ: 03 (30 tiết lý thuyết; 20 tiết thảo luận, bài tập; 10 tiết thực hành)

- Mã học phần: 9GD212
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần nhằm triển khai một cách chuyên sâu cách thức xây dựng một thiết kế nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh trong QLGD; các kiến thức liên quan đến việc tổ chức thực hiện một nghiên cứu định lượng cũng như các kỹ năng, kỹ thuật và kiến thức cần thiết để **thực hiện nghiên cứu độc lập** bằng phương pháp định tính và kết hợp định lượng. **Nội dung học phần sẽ tập trung hướng dẫn người học cách xác định vấn đề nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu trong nghiên cứu khoa học QLGD**; hướng dẫn cách thức thiết kế một nghiên cứu định lượng, định tính và ứng dụng CNTT để xử lý, phân tích dữ liệu nghiên cứu; kỹ thuật viết và đánh giá công trình nghiên cứu khoa học QLGD. Hơn nữa, nghiên cứu sinh sẽ được trang bị các kỹ thuật và công cụ được sử dụng để thực hiện luận án, dự án nghiên cứu trong lĩnh vực QLGD mà họ quan tâm.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Người học hiểu, vận dụng và phân tích được những nội dung về tổng quan nghiên cứu khoa học QLGD, phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính và kết hợp định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học QLGD.

CO2: Người học có năng lực **xác định vấn đề nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu trong nghiên cứu khoa học QLGD**; xây dựng được nghiên cứu khoa học độc lập và hoàn chỉnh nội dung nghiên cứu theo phương pháp nghiên cứu phù hợp.

CO3: Người học sử dụng được các phần mềm xử lý dữ liệu cơ bản và viết được một báo cáo khoa học hoàn chỉnh liên quan đến đề tài nghiên cứu

3. Chuẩn đầu ra của học phần

3.1. Kiến thức

CLO1: Hiểu được và giải thích được những nội dung về tổng quan nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính và kết hợp định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học QLGD.

CLO2: **Nắm vững các cơ sở khoa học, thực tiễn** để xác định được các vấn đề nghiên cứu hợp lý, phương pháp nghiên cứu hợp lý với vấn đề nghiên cứu được lựa chọn.

3.2. Kỹ năng

CLO3: Phân tích được các nội dung cơ bản trong việc thực hiện thiết kế nghiên cứu; trong quy trình nghiên cứu định tính, định lượng và kết hợp định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học QLGD.

CLO4: Năng lực **xác định vấn đề nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu trong nghiên cứu khoa học QLGD**; Lựa chọn, xây dựng được hợp lý các thiết kế nghiên cứu định lượng, định tính và kết hợp trong nghiên cứu.

CLO5: Sử dụng được các phần mềm xử lý dữ liệu cơ bản.

CLO6: Viết được một báo cáo khoa học hoàn chỉnh liên quan đến đề tài nghiên cứu

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

CLO7: Vận dụng những hiểu biết về môn học rèn luyện những phẩm chất và năng lực nghiên cứu khoa học QLGD;

CLO8: Tự chủ, tự chịu trách nhiệm và giải trình xã hội trong thực hiện nghiên cứu khoa học QLGD; Trách nhiệm trong học tập, nghiên cứu

4. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Những vấn đề chung về Nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục
10 tiết (5LT, 5 TL - BT, 0TH)

1. Khái niệm cơ bản

2. Mục đích, ý nghĩa của nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục.

3. Các hình thức nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục.

4. Đặc điểm, tình hình nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục.

Chương 2: Đề tài nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục và qui trình thực hiện đề tài

20 tiết (10 LT, 5 TL - BT, 5 TH)

1. Đề tài nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục

1.1. Khái niệm

1.2. **Xác định vấn đề nghiên cứu**

1.3. Lựa chọn và đặt tên đề tài

1.4. **Xác định câu hỏi nghiên cứu**

2. Qui trình thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục

2.1. Xác định vấn đề nghiên cứu và đặt tên đề tài nghiên cứu

2.2. Viết tổng quan nghiên cứu

2.2.1. *Mục đích của tổng quan nghiên cứu*

2.2.2. *Nội dung của tổng quan nghiên cứu*

2.2.3. *Kỹ thuật viết tổng quan nghiên cứu*

2.2.4. *Cấu trúc của tổng quan nghiên cứu*

2.2.5. *Lưu ý trích dẫn tài liệu và danh mục tài liệu*

2.3. Xây dựng đề cương

- 2.4. Triển khai nghiên cứu
- *Phần cơ sở lý luận của đề tài*
 - *Phần cơ sở thực tiễn của đề tài*
 - *Phần biện pháp/ giải pháp và thực nghiệm*

2.5. Viết báo cáo

2.6. Nghiệm thu và đánh giá

3. Các phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục

3.1. Phương pháp nghiên cứu định tính

3.1.1. Phương pháp quan sát

3.1.2. Phương pháp phỏng vấn

3.2. Phương pháp nghiên cứu định lượng

3.2.1. Phương pháp điều tra

3.2.2. Phương pháp thực nghiệm

3.2.3. Chọn mẫu trong nghiên cứu định lượng

3.2.4. Các công cụ thu thập dữ liệu

3.2.5. Độ tin cậy của thang đo

3.3. Xử lý số liệu định lượng bằng SPSS và một số phần mềm thống kê, phân tích

3.3.1. Các tham số thống kê đo lường

3.3.2. So sánh trong nghiên cứu định lượng

Chương 3: Kỹ thuật viết và đánh giá công trình nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục (6LT, 4 TL - BT, 0 TH)

I. Kỹ thuật viết đề tài nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục.

1. Kỹ thuật viết đề tài nghiên cứu quản lý giáo dục.
2. Kỹ thuật viết tóm tắt công trình nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục.

II. Tổ chức đánh giá trong nghiên cứu quản lý giáo dục

1. Mục đích đánh giá trong nghiên cứu quản lý giáo dục.
2. Tiêu chuẩn đánh giá đề tài nghiên cứu quản lý giáo dục.
3. Các hình thức tổ chức đánh giá công trình nghiên cứu quản lý giáo dục.

Bài tập thực hành: Viết một tiểu luận nghiên cứu một vấn đề quản lý giáo dục.

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần							
	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6	CLO 7	CLO 8
Thuyết trình	x	x	x					
Vấn đáp	x	x	x	x	x	x		
Tự học	x	x	x	x	x	x	x	x

Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x
Hoạt động nhóm	x	x	x	x	x	x		
Hướng dẫn	x	x	x	x	x	x		
Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x
Tham quan				x	x	x	x	x
Chuyên đề	x	x	x	x	x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1- CLO6	30%
2	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1- CLO6	
Chuyên cần, tích cực				
1	Số buổi đi học Ý thức, tinh thần, trách nhiệm trong học tập	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO8	20%
Thi cuối kì 50%				
1	Thi tự luận hoặc vấn đáp, viết tiểu luận	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp, tiểu luận	CLO1-CLO8	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với người học

- Có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: NCS phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: NCS phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Điểm quá trình: Phải có đủ điểm thường xuyên theo qui định.
- Điểm thi kết thúc học phần: NCS phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn NCS tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của NCS.

9. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc

Phạm Viết Vượng (2001), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

Nguyễn Thị Hiền (chủ biên), Phạm Ngọc Long, Ngô Thị Trang (2020), *Phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.

9GD213. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC HIỆN ĐẠI/Modern curriculum/program development and management

- Số tín chỉ: 03 (30 LT, 20 BT/TL, 10 TH)

- Mã học phần: 9GD213.

- Bộ môn phụ trách học phần: Giáo dục học

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần: Học phần phát triển và quản lý chương trình giáo dục hiện đại thuộc khối kiến thức tự chọn trong phần kiến thức chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Học phần gồm 3 chương, giới thiệu các vấn đề chung về phát triển chương trình giáo dục; các quan điểm tiếp cận phát triển chương trình hiện đại; nội dung quy trình phát triển chương trình giáo dục; nguyên tắc quản lý chương trình; nội dung quản lý chương trình giáo dục.

2. Mục tiêu của học phần:

CO1: Học xong học phần NCS hiểu được hệ thống những tri thức cơ bản và chuyên sâu về phát triển chương trình giáo dục và quản lý chương trình giáo dục hiện đại. Phân tích được các kỹ thuật cơ bản trong phát triển chương trình giáo dục và quản lý chương trình giáo dục ở các bậc học, cấp học..

CO2: Phát triển được chương trình giáo dục và quản lý chương trình giáo dục cho một cấp học, bậc học hay một nhà trường cụ thể

CO3: Có thái độ học tập đúng đắn trong học tập môn học, rèn luyện, tu dưỡng phấn đấu vươn lên trong học tập, rèn nghề, rèn luyện phẩm chất đạo đức, xây dựng và giữ gìn uy tín người quản lý.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Hiểu được hệ thống tri thức cơ bản và chuyên sâu về phát triển chương trình giáo dục và quản lý chương trình giáo dục hiện đại.

CLO2: Phân tích được các kỹ thuật cơ bản trong phát triển chương trình giáo dục và quản lý chương trình giáo dục hiện đại.

CLO3: Vận dụng quy trình phát triển chương trình giáo dục và quản lý chương trình giáo dục cho một cấp học, bậc học hay một nhà trường cụ thể.

CLO4: Học viên có thái độ học tập đúng đắn trong việc rèn luyện, tu dưỡng phần đầu vươn lên trong học tập, rèn nghề. Rèn luyện phẩm chất đạo đức, xây dựng và giữ gìn uy tín người quản lý.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Một số vấn đề chung về phát triển chương trình giáo dục

(9 LT, 12 BT, 0 TH)

- 1.1. Khái niệm chung về chương trình
- 1.2. Chương trình giáo dục
- 1.3. Các quan điểm về phát triển chương trình giáo dục hiện đại

Chương 2: Phát triển chương trình giáo dục hiện đại

(9 LT, 12 BT, 0 TH)

- 2.1. Phân cấp các loại chương trình trong giáo dục đào tạo
- 2.2. Các bước phát triển chương trình giáo dục
- 2.3. Thực hành phát triển chương trình giáo dục

Chương 3. Quản lý phát triển chương trình giáo dục hiện đại

(9 LT, 12 BT, 0 TH)

- 3.1. Nguyên tắc cơ bản của quản lý phát triển chương trình giáo dục
- 3.2. Nội dung quản lý phát triển chương trình giáo dục
- 3.3. Các bước tổ chức thực hiện quản lý chương trình giáo dục
- 3.4. Vận dụng thực hành quản lý phát triển chương trình giáo dục

5. Hình thức dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học như sau:

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	x	x		
Thảo luận, vấn đáp	x	x	x	x
Bài tập	x	x	x	x
Tự học		x	x	x

Hướng dẫn		x	x	x
Hoạt động nhóm		x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x
Tiểu luận		x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Kiểm tra viết	Rubric 1 bài thi viết	CLO1,2	30%
2	Báo cáo sản phẩm demo	Rubric 2 bài đánh giá sản phẩm demo	CLO1,2,3,4	
Đánh giá chuyên cần				
	Đi học chuyên cần, tích cực học tập và nghiên cứu	Rubric 1 đánh giá bài kiểm tra viết	CLO4	20%
Thi cuối kì				
	Thi tự luận hoặc vấn đáp, viết tiểu luận	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Quy định đối với nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả học phần:

- Mức độ chuyên cần: Nghiên cứu sinh phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Nghiên cứu sinh phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực thảo luận nhóm.

- Điểm thường xuyên: Phải có tối thiểu 2 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Điểm kết thúc học phần: Nghiên cứu sinh phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Tài liệu học tập: Nghiên cứu sinh cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

- Nghiên cứu sinh nghiên cứu kỹ các Rubric đánh giá học phần để tự xây dựng kế hoạch học tập.

8. Kế hoạch tư vấn

Giảng viên sẽ tư vấn trực tiếp cho nghiên cứu khi cần thiết tại Văn phòng Khoa TLGD, hoặc tư vấn online trong giờ làm việc.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu để thực hành thuyết trình, phòng máy tính để thực hành, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện. Phòng học được trang bị điều hoà, quạt điện đầy đủ.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Tài liệu chính:

Nguyễn Vũ Bích Hiền (chủ biên) 2015, *Phát triển và quản lý chương trình giáo dục*, NXB ĐHSP

10.2. Tài liệu tham khảo

Nguyễn Đức Chính (2015), *Phát triển chương trình giáo dục*, Nxb Giáo dục.

9GD214. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC/ Educational quality management

- Số tín chỉ: 03 (30 LT, 20 BT/TL, 10 TH)

- Mã học phần: 9GD214
- Bộ môn phụ trách học phần: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Chuyên đề trình bày một phương thức quản lý mới trong quản lý các cơ sở giáo dục cũng như quản lý các cá nhân hoạt động trong hệ thống giáo dục: quản lý chất lượng, hay quản lý bằng chuẩn.

Chuyên đề trình bày cơ sở lý luận của phương thức quản lý này, bắt đầu bằng khái niệm chất lượng, chất lượng trong giáo dục. Khái niệm này được luận giải từ nhiều góc độ khác nhau, trong đó có xem xét từ góc độ quản lý.

Khái niệm quản lý chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng ở các cấp độ khác nhau cũng được phân tích, giúp phân biệt hệ thống quản lý chất lượng với các hệ thống quản lý khác.

Chuyên đề giới thiệu một số bộ chuẩn đang được sử dụng để quản lý trong hệ thống giáo dục Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

CO1: Sau khi kết thúc học phần, người học có thể xác định được khái niệm chất lượng nói chung, chất lượng trong giáo dục nói riêng, phân biệt được phương thức quản lý chất lượng với phương thức quản lý truyền thống

CO2: Vận dụng xây dựng hệ thống quản lý chất lượng tại cơ sở, tham gia quá trình tự đánh giá và kiểm định chất lượng trong giáo dục.

CO3: Thái độ và trách nhiệm trong cải tiến chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục cũng như trong quản lý chất lượng giáo dục tại cơ sở công tác

3. Chuẩn đầu ra học phần

3.1.1. Kiến thức:

CLO1: Xác định được khái niệm chất lượng nói chung, chất lượng giáo dục nói riêng;

CLO2: Phân biệt được phương thức quản lý chất lượng với phương thức quản lý truyền thống;

CLO3: Xác định được các cấp độ trong quản lý chất lượng; mô tả và giải thích các mô hình quản lý chất lượng.

3.1.2. Kỹ năng:

CLO4: Xây dựng được hệ tham chiếu cho các bộ tiêu chuẩn hiện có (bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng các cơ sở giáo dục, chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học, chuẩn hiệu trưởng...)

CLO5: Thiết kế và vận hành được hệ thống quản lý chất lượng cho 1 cơ sở giáo dục.

CLO6: Tổ chức viết báo cáo tự đánh giá cho nhà trường và Tổ chức đón và tiếp đoàn đánh giá ngoài về kiểm định chất lượng nhà trường.

3.1.3. Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm

CLO7: Chấp nhận phương thức quản lý mới.

CLO8: Tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong thực hiện quản lý chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; có thái độ nghiêm túc trong học tập để hình thành phẩm chất của nhà quản lý giáo dục

4. Nội dung học phần

Chương 1: Quản lý chất lượng 6 (3 LT, 3 BT, TL 0 TH?)

1. Quản lý chất lượng
2. Các cấp độ trong quản lý chất lượng
3. Các nguyên tắc cần tuân thủ trong việc xây dựng và vận hành hệ thống quản lý chất lượng
4. Yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng

Chương 2: Các mô hình quản lý chất lượng (6 LT, 6 BT/ TL, 0 TH)

1. Mô hình kiểm soát chất lượng
2. Mô hình đảm bảo chất lượng
3. Mô hình TQM
4. Một số mô hình đảm bảo chất lượng
5. Một số mô hình TQM
6. Một số công cụ quản lý quá trình bằng thống kê có thể sử dụng trong mô hình TQM

Chương 3: Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng trên cơ sở bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục 15(9 LT, 6 BT/ TL, 0 TH)

1. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non
2. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông
3. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp
4. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học

Chương 4: Xây dựng kế hoạch chiến lược nâng cao chất lượng cho các cơ sở giáo dục 27 (12 LT, 5 BT/BT, 10 TH)

1. Khái niệm kế hoạch chiến lược
2. Lý do phải lập kế hoạch chiến lược
3. Cấu trúc của kế hoạch chiến lược
4. Một vài điểm cần lưu ý trong quá trình xây dựng kế hoạch chiến lược

5. Hình thức dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học như sau:

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần							
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8
Thuyết trình	x	x	x	x	x	x		
Thảo luận, vấn đáp	x	x	x	x	x	x		
Bài tập	x	x	x	x	x	x	x	x
Tự học	x	x	x	x	x	x	x	x
Hướng dẫn	x	x	x	x	x	x	x	x
Hoạt động nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x
Tiểu luận	x	x	x	x	x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Kiểm tra viết	Rubric 1 bài thi viết	CLO1 -6	30%
2	Báo cáo sản phẩm demo	Rubric 2 bài đánh giá sản phẩm demo	CLO1 -6	
Đánh giá chuyên cần				
	Đi học chuyên cần, tích cực học tập và nghiên cứu	Rubric 1 đánh giá bài kiểm tra viết	CLO8	20%

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Thi cuối kì				
	Thi tự luận hoặc vấn đáp, viết tiểu luận	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO1-8	50%
Thang điểm				10

7. Quy định đối với nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả học phần:

- Mức độ chuyên cần: Nghiên cứu sinh phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Nghiên cứu sinh phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực thảo luận nhóm.
- Điểm thường xuyên: Phải có tối thiểu 2 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Nghiên cứu sinh phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Tài liệu học tập: Nghiên cứu sinh cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.
- Nghiên cứu sinh nghiên cứu kỹ các Rubric đánh giá học phần để tự xây dựng kế hoạch học tập.

8. Kế hoạch tư vấn

Giảng viên sẽ tư vấn trực tiếp cho nghiên cứu khi cần thiết tại Văn phòng Khoa TLGD, hoặc tư vấn online trong giờ làm việc.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu để thực hành thuyết trình, phòng máy tính để thực hành, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện. Phòng học được trang bị điều hoà, quạt điện đầy đủ.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/tài liệu bắt buộc

1. Phạm Ngọc Long (chủ biên) (2021), Quản lý chất lượng giáo dục, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
2. Trần Khánh Đức (2009), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ 21*, NXB giáo dục Việt Nam

Tài liệu tham khảo

Trần Kiểm (2015), *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*, NXB Đại học sư phạm.

9GD215. XÂY DỰNG VĂN HOÁ TỔ CHỨC/Build organizational culture

- Số tín chỉ: 03 (30 LT, 20 BT/TL, 10 TH)
- Mã học phần: 9GD215
- Bộ môn phụ trách học phần: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần này nhằm cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về đặc điểm, chức năng, cấu trúc và phân loại văn hoá tổ chức; các yếu tố tác động tới sự hình thành văn hoá tổ chức; quy trình xây dựng văn hoá tổ chức; tính tất yếu của việc thay đổi văn hoá tổ chức và quản lý sự thay đổi văn hoá tổ chức.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Phân tích được những vấn đề cơ bản về văn hoá tổ chức và sự hình thành văn hoá tổ chức; làm rõ được tính tất yếu của việc thay đổi văn hoá tổ chức và các nguyên tắc, quy trình thay đổi văn hoá tổ chức.

- CO2: Có kỹ năng phân tích, đánh giá văn hoá tổ chức, ứng dụng lý thuyết về xây dựng văn hoá tổ chức trong thiết kế và thực thi văn hoá tổ chức trong thực tiễn.

- CO3: Có thái độ tôn trọng các giá trị của tổ chức, chủ động, tích cực xây dựng văn hoá tổ chức phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

3.1. Kiến thức

- CLO1: Nhận thức rõ bản chất của văn hoá tổ chức và mối quan hệ của nó với các khía cạnh khác của tổ chức; phân tích được chức năng, cấu trúc của văn hoá tổ chức và các quan điểm phân loại văn hoá tổ chức.

- CLO2: Phân tích được các yếu tố tác động đến sự hình thành văn hoá tổ chức và tính tất yếu của sự thay đổi văn hoá tổ chức; nắm vững các nguyên tắc, quy trình xây dựng và thay đổi văn hoá tổ chức.

3.2. Kỹ năng

- CLO3: Kỹ năng phân tích, đánh giá văn hoá tổ chức, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn xây dựng văn hoá tổ chức.

- CLO4: Kỹ năng ứng dụng lý thuyết về xây dựng văn hoá tổ chức trong thiết kế và thực thi văn hoá tổ chức trong thực tiễn.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- CLO5: Nghiên cứu đưa ra những sáng kiến quan trọng trong xây dựng văn hoá tổ chức.

- CLO6: Tự chủ, tự chịu trách nhiệm và giải trình xã hội trong xây dựng văn hoá tổ chức, tích cực trong tiếp nhận và tạo ra sự thay đổi văn hoá tổ chức.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Tổng quan về văn hoá tổ chức (9 LT, 12 BT, 0 TH)

- 1.1. Khái niệm văn hoá tổ chức
 - 1.1.1. Khái niệm văn hoá
 - 1.1.2. Khái niệm tổ chức
 - 1.1.3. Khái niệm văn hoá tổ chức
- 1.2. Đặc điểm của văn hoá tổ chức
 - 1.2.1. Văn hoá tổ chức mang đầy đủ các đặc điểm của văn hoá
 - 1.2.2. Văn hoá tổ chức có quan hệ chặt chẽ với các khía cạnh của tổ chức
- 1.3. Chức năng của văn hoá tổ chức
- 1.4. Cấu trúc văn hoá tổ chức
 - 1.4.1. Những yếu tố biểu hiện chủ yếu
 - 1.4.2. Hệ giá trị, chuẩn mực
 - 1.4.3. Hệ triết lý
- 1.5. Phân loại văn hoá tổ chức

Chương 2: Sự hình thành văn hoá tổ chức (9 LT, 12 BT, 0 TH)

- 2.1. Các yếu tố tác động tới sự hình thành văn hoá tổ chức
 - 2.1.1. Văn hoá dân tộc
 - 2.1.2. Người đứng đầu tổ chức
 - 2.1.3. Đặc điểm của tổ chức
 - 2.1.4. Môi trường hoạt động của tổ chức
- 2.2. Xây dựng văn hoá tổ chức
 - 2.2.1. Quy trình xây dựng văn hoá tổ chức
 - 2.2.2. Nguyên tắc xây dựng văn hoá tổ chức
 - 2.2.3. Phương pháp xây dựng văn hoá tổ chức

Chương 3: Quản lý sự thay đổi văn hoá tổ chức (9LT, 12BT, 0TH)

- 3.1. Tính tất yếu của việc thay đổi văn hoá tổ chức
- 3.2. Quy trình thay đổi văn hoá tổ chức
- 3.3. Những rào cản trong quá trình xây dựng và thay đổi văn hoá tổ chức
- 3.4. Một số nguyên tắc trong thay đổi văn hoá tổ chức

5. Hình thức dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học như sau:

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần
-------------------	----------------------------

	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	x	x				
Thảo luận, vấn đáp	x	x	x	x	x	x
Bài tập	x	x	x	x	x	x
Tự học	x	x	x	x	x	x
Hướng dẫn	x	x	x	x	x	x
Hoạt động nhóm	x	x	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x
Tiểu luận	x	x	x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Kiểm tra viết	Rubric 1 bài thi viết	CLO1,2	30%
2	Báo cáo sản phẩm demo	Rubric 2 bài đánh giá sản phẩm demo	CLO1,2,3,4	
Đánh giá chuyên cần				
	Đi học chuyên cần, tích cực học tập và nghiên cứu	Rubric 1 đánh giá bài kiểm tra viết	CLO5	20%
Thi cuối kỳ				
	Tiểu luận và thuyết trình	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO1,2,3,4,5	50%
Thang điểm				10

7. Quy định đối với nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả học phần:

- Mức độ chuyên cần: Nghiên cứu sinh phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Nghiên cứu sinh phải tích cực học tập, tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực thảo luận nhóm.
- Điểm thường xuyên: Phải có tối thiểu 02 điểm thường xuyên, 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Nghiên cứu sinh phải tham gia dự thi khi đã có đủ

điều kiện dự thi.

- Tài liệu học tập: Nghiên cứu sinh cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

- Nghiên cứu sinh nghiên cứu kỹ các Rubric đánh giá học phần để tự xây dựng kế hoạch học tập.

8. Kế hoạch tư vấn

Giảng viên sẽ tư vấn trực tiếp cho nghiên cứu sinh khi cần thiết tại Văn phòng Khoa TLGD, hoặc tư vấn online trong giờ làm việc.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu để thực hành thuyết trình, phòng máy tính để thực hành, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện. Phòng học được trang bị điều hoà, quạt điện đầy đủ.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Tài liệu chính

1. Bùi Minh Hiền - Nguyễn Vũ Bích Hiền (Chủ biên) (2020), *Quản lí và lãnh đạo nhà trường*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Anh Tài (2017), *Quản trị học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Trần Kiểm, (2016), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường hiệu quả*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

9CĐ201 Chuyên đề 1/ PhD Project

- Số Tín chỉ: 02 (0 LT, 0TL, 60 TH)

- Mã chuyên đề: 9CĐ201

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học

- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành tiểu luận tổng quan

1. Mô tả chuyên đề

Chuyên đề 1 tập trung vận dụng kiến thức lý thuyết vào phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề thực tiễn tại các cơ sở giáo dục, từ đó giúp hiểu sâu sắc lý thuyết và chủ động trong hoạch định chiến lược, chính sách cũng như công tác điều hành.

2. Mục tiêu chuyên đề

CO1: Vận dụng kiến thức lý thuyết vào phát hiện, phân tích và từng bước giải quyết được các vấn đề của thực tiễn giáo dục

CO2: Vận dụng được các phương pháp và công cụ phục vụ quá trình nghiên cứu thực tiễn.

3. Chuẩn đầu ra chuyên đề

CLO1: Người học rèn luyện khả năng tổng hợp và phân tích các nguồn tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu thực tiễn.

CLO2: Người học phát hiện, phân tích và giải quyết được các vấn đề nghiên cứu thực tiễn trong tổ chức.

CLO3: Người học sử dụng được các kỹ thuật, công cụ nghiên cứu trong những tình huống cụ thể.

CLO4: Người học rèn được tác phong và thói quen nghiên cứu độc lập, chuyên nghiệp.

4. Nội dung chuyên đề

1. Chủ đề của các chuyên đề nghiên cứu (khuyến nghị)

- Quản lý nhân sự
- Quản trị nguồn lực
- Xây dựng chiến lược, chính sách
- Văn hoá tổ chức
- Quản trị chất lượng
- Quản trị hoạt động dạy học/ giáo dục trong các cơ sở giáo dục
- Quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong giáo dục
- Quản lý ứng dụng CNTT trong xu thế chuyển đổi số
- Quản lý xã hội hóa giáo dục
- Quản lý chương trình đào tạo
- Quản lý chương trình giáo dục

2. Kết cấu chuyên đề

1. Phần mở đầu: Gồm tính cấp thiết của chuyên đề; mục tiêu, nội dung, phạm vi, phương pháp và kết quả nghiên cứu của chuyên đề

2. Phần 1: Cơ sở lý thuyết

3. Phần 2: Phân tích, đánh giá các giải pháp

4. Phần 3: Đề xuất và triển khai giải pháp

5. Kết luận

6. Tài liệu tham khảo

7. Phụ lục

Chuyên đề luận án phải tuân thủ các quy định tại Quyết định 2499/QĐ-ĐHHD của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức ngày 22 tháng 12 năm 2021 về “Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức”.

5. Hình thức dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học như:

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Tự học, tự nghiên cứu	✓	✓		✓
Thảo luận	✓	✓	✓	✓
Chuyên đề	✓	✓	✓	✓
Trình bày bảo vệ chuyên đề	✓	✓	✓	✓

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
1	Tiến độ và chuyên cần	Tiến độ và chuyên cần	CLO4	20%
2	Chuyên đề	Rubric chuyên đề	CLO1,2,3,4	50%
3	Bảo vệ chuyên đề	Rubric bảo vệ chuyên đề	CLO1,2,3,4	30%
Thang điểm				10

Rubric chuyên đề

Cấu trúc	Nội dung/hình thức	Điểm tối đa
Đã t v á n đ ề	Nêu khái quát lý do lựa chọn đề tài; mục tiêu, nội dung, phạm vi, phương pháp và kết quả nghiên cứu của chuyên đề (Độ dài 2 - 3 trang)	1,0
Phầ n 1	Nêu đầy đủ các lý thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu của chuyên đề (đặc biệt là lý thuyết gốc)	1,0

: C ơ s ở l ý t h u y ế t		
P h ầ n 2 : P h â n t í c h , đ á n h g i á c á c g i á i p h á p	Trình bày, phân tích, đánh giá được các giải pháp kỹ thuật chính hiện có để giải quyết vấn đề chuyên đề đặt ra	3 ; 0
P h	Phân tích đánh giá được thực trạng vấn đề nghiên cứu từ đó đề xuất được giải pháp kỹ thuật phù hợp với bài toán. Triển khai, mô phỏng, đánh giá được ưu	4 ,

<p>à n 3 : Đ ề x u á t v à tr i ề n k h a i g i ả i p h á p .</p>	<p>nhược điểm khi áp dụng giải pháp</p>	<p>0</p>
<p>K ế t l u ậ n</p>	<p>Khái quát những nội dung đã tìm hiểu phân tích được trong chuyên đề</p>	<p>0 , 5</p>
<p>T à i li ệ u t h a m</p>	<p>Tài liệu phải được trích dẫn và sử dụng đầy đủ trong Tiểu luận tổng quan. Cách trình bày tài liệu tham khảo theo đúng quy định về cách ghi và trích dẫn tài liệu tham khảo đã nêu trên</p>	<p>0 , 2 5</p>

k h à o		
H ì n h t h ứ c	Bài luận dài khoảng 30 - 40 trang, in trên khổ giấy trắng A4, sử dụng bảng mã Unicode, font chữ Times New Roman cỡ 13 hoặc 14 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương; mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ; dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines; lề trên 3,5cm; lề dưới 3,0cm; lề trái 3,5cm; lề phải 2cm. Số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang, đóng bìa mềm, hình thức theo qui định	0 , 2 5
Tổng điểm		1 0

Rubric bảo vệ trước hội đồng

Cấu trúc	Nội dung/hình thức	Điểm tối đa
Đặt vấn đề	Nêu bật được lý do lựa chọn vấn đề nghiên cứu, mục tiêu và phương pháp nghiên cứu	1,0
Trình bày và luận giải được các nội dung nghiên cứu	Trình bày và luận giải được các nội dung, kết quả nghiên cứu một cách logic, khoa học	3,0
Trả lời câu hỏi của hội đồng	Tài liệu phải được trích dẫn và sử dụng đầy đủ trong Tiểu luận tổng quan. Cách trình bày tài liệu tham khảo theo đúng quy định về cách ghi và trích dẫn tài liệu tham khảo đã nêu trên	4,0
Hình thức, tác phong, thời gian trình bày	Slide trình bày chuyên nghiệp, đẹp; tác phong trình bày và trao đổi tự tin; thời gian trình bày trong khoảng 15-20 phút	2,0
Tổng điểm		10

7. Quy định đối với nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được công nhận kết quả chuyên đề:

- Thái độ học tập: Nghiên cứu sinh phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, thường xuyên trao đổi và báo cáo tiến độ với GVHD, nộp chuyên đề đúng hạn theo quy định.

- Điểm đánh giá: Nghiên cứu sinh phải được GVHD nhận xét có thái độ học tập nghiên cứu nghiêm túc, đúng tiến độ và có điểm chấm tiểu luận đạt từ 5 điểm trở lên.

- Tài liệu học tập: Nghiên cứu sinh cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

- Nghiên cứu sinh nghiên cứu kỹ các Rubric đánh giá học phần để tự xây dựng kế hoạch học tập.

8. Kế hoạch tư vấn

Giảng viên sẽ tư vấn trực tiếp cho nghiên cứu khi cần thiết tại Văn phòng Khoa Tâm lý Giáo dục, hoặc tư vấn online trong giờ làm việc.

9. Trang thiết bị

Phòng họp hội đồng bảo vệ chuyên đề, thảo luận đủ tiêu chuẩn; Có máy tính có kết nối hệ thống học liệu phục vụ quá trình tra soát tài liệu của học viên; Cung cấp các tài khoản truy cập CSDL và kiểm tra độ trùng lặp của tiểu luận trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

10. Tài liệu dạy học

1. Các văn bản Quy định làm chuyên đề của Trường ĐH Hồng Đức.
2. Nguồn cơ sở dữ liệu, học liệu trên thư viện và nguồn CSDL mở.

9CD202, 9CD203 Chuyên đề 2,3/ PhD Project 2,3

- Số Tín chỉ: 02 (0 LT, 0TL, 60 TH)
- Mã chuyên đề: **9CD202, 9CD203**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành tiểu luận tổng quan

1. Mô tả chuyên đề

Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến hướng nghiên cứu chuyên sâu của đề tài luận án, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Người học có những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực nghiên cứu từ đó luận giải đề xuất được các giải pháp liên quan đến vấn đề nghiên cứu luận án.

CO2: Phát hiện, phân tích và từng bước giải quyết được các vấn đề nghiên cứu đặt ra.

CO3: Làm chủ được các phương pháp và công cụ phục vụ nghiên cứu

3. Chuẩn đầu ra của chuyên đề

CLO1: Người học nghiên cứu, cập nhật và hiểu sâu sắc được các kiến thức mới nhất liên quan đến chủ đề nghiên cứu của luận án.

CLO2: Người học rèn luyện khả năng tổng hợp và phân tích các nguồn tài liệu liên quan đến luận án tiến sĩ từ đó so sánh đánh giá và hình thành nên các khái niệm nghiên cứu, khung nghiên cứu của luận án.

CLO3: Người học phát hiện, phân tích và giải quyết được các vấn đề nghiên cứu đặt ra trong mỗi chuyên đề.

CLO4: Người học thành thạo các kỹ thuật, công cụ nghiên cứu trong những tình

huống cụ thể.

CLO5: Người học rèn luyện được tác phong và thói quen nghiên cứu độc lập, chuyên nghiệp.

4. Nội dung chuyên đề

1. Chủ đề của các chuyên đề nghiên cứu gồm: (khuyến nghị)

- Cơ sở lý thuyết và thực tiễn về vấn đề nghiên cứu
- Phương pháp nghiên cứu
- Kết quả nghiên cứu

2. Kết cấu chuyên đề

1. Phần mở đầu: Gồm tính cấp thiết của chuyên đề; mục tiêu, nội dung, phạm vi, phương pháp và kết quả nghiên cứu của chuyên đề

2. Phần 1: Cơ sở lý thuyết

3. Phần 2: Phân tích, đánh giá các giải pháp

4. Phần 3: Đề xuất và triển khai giải pháp

5. Kết luận

6. Tài liệu tham khảo

7. Phụ lục

Chuyên đề luận án phải tuân thủ các quy định tại Quyết định 2499/QĐ-ĐHHD của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức ngày 22 tháng 12 năm 2021 về “Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức”.

5. Hình thức dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học như:

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Tự học, tự nghiên cứu	✓	✓		✓
Thảo luận	✓	✓	✓	✓
Chuyên đề	✓	✓	✓	✓
Trình bày bảo vệ chuyên đề	✓	✓	✓	✓

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
----	--------------------	------------------	------------------	----------

1	Tiến độ và chuyên cần	Tiến độ và chuyên cần	CLO4	20%
2	Chuyên đề	Rubric chuyên đề	CLO1,2,3,4	50%
3	Bảo vệ chuyên đề	Rubric bảo vệ chuyên đề	CLO1,2,3,4	30%
Thang điểm				10

Rubric chuyên đề

C á u t r ú c	Nội dung/hình thức	Đ i ể m t ố i đ a
Đ ặ t v ấ n đ ề	Nêu khái quát lý do lựa chọn đề tài; mục tiêu, nội dung, phạm vi, phương pháp và kết quả nghiên cứu của chuyên đề (Độ dài 2 - 3 trang)	1 , 0
P h ầ n l : C ơ s ở l ý t h u y ế t	Nêu đầy đủ các lý thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu của chuyên đề (đặc biệt là lý thuyết gốc)	1 , 0
P h	Trình bày, phân tích, đánh giá được các giải pháp kỹ thuật chính hiện có để	3 ,

C á u t r ú c	Nội dung/hình thức	Đ i ể m t ó i đ a
à n 2 : P h â n t í c h , đ á n h g i á c á c g i ả i p h á p	giải quyết vấn đề chuyên đề đặt ra	0
P h à n 3 : Đ	Phân tích đánh giá được thực trạng vấn đề nghiên cứu từ đó đề xuất được giải pháp kỹ thuật phù hợp với bài toán. Triển khai, mô phỏng, đánh giá được ưu nhược điểm khi áp dụng giải pháp	4 , 0

C á u t r ú c	Nội dung/hình thức	Đ i ể m t ó i đ a
ề x u á t v à tr i ể n k h a i g i ả i p h á p .		
K ế t l u ậ n	Khái quát những nội dung đã tìm hiểu phân tích được trong chuyên đề	0 , 5
T à i l i ệ	Tài liệu phải được trích dẫn và sử dụng đầy đủ trong Tiểu luận tổng quan. Cách trình bày tài liệu tham khảo theo đúng quy định về cách ghi và trích dẫn tài liệu tham khảo đã nêu trên	0 , 2 5

C á u t r ú c	Nội dung/hình thức	Đ i ể m t ó i đ a
u t h a m k h ả o		
H ì n h t h ứ c	Bài luận dài khoảng 30 - 40 trang, in trên khổ giấy trắng A4, sử dụng bảng mã Unicode, font chữ Times New Roman cỡ 13 hoặc 14 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương; mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ; dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines; lề trên 3,5cm; lề dưới 3,0cm; lề trái 3,5cm; lề phải 2cm. Số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang, đóng bìa mềm, hình thức theo qui định	0 , 2 5
Tổng điểm		1 0

Rubric bảo vệ trước hội đồng

Cấu trúc	Nội dung/hình thức	Điểm tối đa
Đặt vấn đề	Nêu bật được lý do lựa chọn vấn đề nghiên cứu, mục tiêu và phương pháp nghiên cứu	1,0
Trình bày và luận giải được các nội dung nghiên cứu	Trình bày và luận giải được các nội dung, kết quả nghiên cứu một cách logic, khoa học	3,0
Trả lời câu hỏi của hội đồng	Tài liệu phải được trích dẫn và sử dụng đầy đủ trong Tiểu luận tổng quan. Cách trình bày tài liệu tham khảo theo đúng quy định về cách ghi và trích dẫn tài liệu tham khảo đã nêu trên	4,0
Hình thức, tác phong, thời gian trình bày	Slide trình bày chuyên nghiệp, đẹp; tác phong trình bày và trao đổi tự tin; thời gian trình bày trong	2,0

	khoảng 15-20 phút	
Tổng điểm		10

7. Quy định đối với nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được công nhận kết quả chuyên đề:

- Thái độ học tập: Nghiên cứu sinh phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, thường xuyên trao đổi và báo cáo tiến độ với GVHD, nộp chuyên đề đúng hạn theo quy định.

- Điểm đánh giá: Nghiên cứu sinh phải được GVHD nhận xét có thái độ học tập nghiên cứu nghiêm túc, đúng tiến độ và có điểm chấm tiểu luận đạt từ 5 điểm trở lên.

- Tài liệu học tập: Nghiên cứu sinh cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

- Nghiên cứu sinh nghiên cứu kỹ các Rubric đánh giá học phần để tự xây dựng kế hoạch học tập.

8. Kế hoạch tư vấn

Giảng viên sẽ tư vấn trực tiếp cho nghiên cứu khi cần thiết tại Văn phòng Khoa Tâm lý Giáo dục, hoặc tư vấn online trong giờ làm việc.

9. Trang thiết bị

Phòng họp hội đồng bảo vệ chuyên đề, thảo luận đủ tiêu chuẩn; Có máy tính có kết nối hệ thống học liệu phục vụ quá trình tra soát tài liệu của học viên; Cung cấp các tài khoản truy cập CSDL và kiểm tra độ trùng lặp của tiểu luận trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

10. Tài liệu dạy học

1. Các văn bản Quy định làm chuyên đề của Trường ĐH Hồng Đức.
2. Nguồn cơ sở dữ liệu, học liệu trên thư viện và nguồn CSDL mở.

LA. Luận án tiến sĩ/ Doctoral Thesis/ PhD Thesis

- Số Tín chỉ: 72 (0 LT, 0TL, 2160TH)
- Mã học phần: LA
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành các học phần, tiểu luận tổng quan, các chuyên đề tiến sĩ và có ít nhất 2 bài báo được công bố trên tạp chí/hội nghị trong và ngoài nước.

1. Mô tả học phần

Luận án tiến sĩ là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh

vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành QLGD

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học tổng hợp được các lý luận và thực tiễn chuyên sâu về vấn đề nghiên cứu từ đó có thể tự tin vận dụng vào trong thực tế công việc.

- CO2: Phát hiện và đề xuất được các giải pháp thực tiễn cũng như những cơ sở lý thuyết tin cậy làm căn cứ cho các nghiên cứu và vận dụng tiếp theo.

- CO3: Phát triển toàn diện năng lực nghiên cứu độc lập của NCS

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Thành thạo trong cập nhật, tổng hợp và đánh giá được các kiến thức lý thuyết và thực tiễn mới nhất liên quan đến chủ đề nghiên cứu của luận án.

- CLO2: Chủ động và tự tin trong phát hiện, phân tích và giải quyết trọn vẹn các vấn đề nghiên cứu về QLGD từ đó hình thành tác phong và thói quen nghiên cứu độc lập, chuyên nghiệp.

- CLO3: Sử dụng thành thạo các kỹ thuật, công cụ nghiên cứu trong lĩnh vực QLGD.

- CLO4: Có tư duy phản biện, tư duy sáng tạo và kỹ năng phân tích, khái quát hoá vấn đề nghiên cứu.

- CLO5: Có đạo đức và liêm chính trong nghiên cứu; Có khả năng hợp tác và dẫn dắt các nhóm nghiên cứu.

4. Nội dung và hình thức

Luận án phải tuân thủ các quy định tại Quyết định 2499/QĐ-ĐHHD của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức ngày 22 tháng 12 năm 2021 về “Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức” trong đó cần chú ý đến những yêu cầu và nội dung cụ thể sau.

4.1. Yêu cầu chung

a) Luận án phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình. Khuyến khích NCS viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.

b) Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

c) Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình với Nhà trường (qua Bộ môn và Phòng QLĐT Sau đại học) các văn bản của các thành viên chính trong

tập thể đó đồng ý cho phép nghiên cứu sinh sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ, nhận bằng tiến sĩ.

d) Nội dung chủ yếu và đóng góp quan trọng của luận án được đăng trong: kỷ yếu hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá từ 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả). Trong các công bố trên, NCS phải là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ công trình khoa học; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của sách. Ngoài các yêu cầu trên, kết quả của luận án phải được chấp nhận công bố tối thiểu 01 bài trên Tạp chí khoa học Trường Đại học Hồng Đức.

e) Yêu cầu tại điểm d khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế.

f) Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng theo quy định đồng thời tuân thủ các quy định về trích dẫn và chống đạo văn hiện hành của Nhà trường.

4.2. Nội dung bố cục luận án

1. Trang bìa (Mẫu 1).
2. Trang bìa phụ (Mẫu 2).
3. Lời cam đoan.
4. Mục lục (làm mục lục các nội dung của Luận án, chi tiết đến 3 chữ số).
5. Danh mục các chữ viết tắt (lập danh mục các từ viết tắt theo thứ tự ABC).
6. Danh mục bảng biểu (lập danh mục các bảng biểu theo trình tự xuất hiện trong Luận án).
7. Danh mục hình vẽ, đồ thị (lập danh mục các hình vẽ, đồ thị theo trình tự xuất hiện trong Luận án).
8. Mở đầu: tính cấp thiết của đề tài; mục đích; phương pháp nghiên cứu; đối tượng và phạm vi nghiên cứu; ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu.
9. Tổng quan tình hình nghiên cứu:
 - Phân tích đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại chưa được giải quyết, những “khoảng trống” tri thức, làm cơ sở cho việc đặt ra các câu hỏi nghiên cứu mà luận án cần tập trung giải quyết.

- Nội dung luận án: giới thiệu các chương của luận án.

10. Các Chương 1, 2, 3: trình bày kết quả nghiên cứu đạt được của luận án (cơ sở lý thuyết, lý luận, giả thiết khoa học, thực trạng và giải pháp đối với vấn đề nghiên cứu). Khuyến khích thực hiện đề tài luận án bằng các phương pháp đánh giá định lượng, trên cơ sở thông tin sơ cấp thu thập được từ phiếu khảo sát điều tra, phỏng vấn và phân tích đánh giá định lượng bằng các chương trình, phần mềm tin học.

11. Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận về các nội dung nghiên cứu đã thực hiện; kiến nghị về những định hướng nghiên cứu có thể tiếp tục trong tương lai nhằm phát triển và hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

12. Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án: liệt kê các bài báo, công trình đã công bố của NCS về nội dung đề tài luận án theo trình tự thời gian công bố.

13. Tài liệu tham khảo: chỉ bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập tới để bàn luận trong luận án. Tài liệu tham khảo sắp xếp riêng theo từng ngôn ngữ (Việt, Anh, Pháp). Các tài liệu nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch. Tài liệu tham khảo xếp theo thứ tự ABC theo họ tên tác giả theo thông lệ của từng nước (tác giả là người nước ngoài xếp thứ tự theo họ; tác giả là người Việt Nam xếp thứ tự theo tên), tên tổ chức phát hành theo thứ tự abc; tài liệu tiếng Việt đưa lên trước (theo quy định về thể thức luận án TS của Trường Đại học Hồng Đức).

14. Phụ lục: đưa vào phần phụ lục các nội dung chi tiết nhằm minh họa hoặc bổ trợ thêm cho nội dung nghiên cứu của luận án do tác giả thực hiện như: mẫu phiếu điều tra, bảng tổng hợp kết quả điều tra. Số trang của phụ lục không được nhiều hơn số trang của phần chính của luận án.

4.3. Hình thức luận án

- Luận án được in trên một mặt giấy khổ A4 (210x297mm).

- Số trang của luận án không quá 150 trang (không tính mục lục, tài liệu tham khảo và phụ lục), font chữ Time New Roman, cỡ chữ 13-14, paragraph 1.3-1.5 lines, lề trên 3.5cm, lề dưới 3cm, lề trái 3.5cm, lề phải 2cm.

- Số trang của luận án đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang giấy, từ 1 đến hết (*bắt đầu từ phần Mở đầu*).

- Thứ tự trang của các thông tin trước phần Mở đầu (lời cam đoan, mục lục, danh mục các từ viết tắt, danh mục bảng biểu, hình vẽ...) đánh số trang theo ký hiệu bằng chữ i (i, ii, iii, iv,). Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang.

- Các tiểu mục của luận án được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số, nhiều nhất gồm 4 chữ số, với số thứ nhất chỉ số chương. Mỗi nhóm tiểu mục phải có ít nhất 2 tiểu mục, nghĩa là không thể có tiểu mục 2.1.1 mà không có tiểu mục 2.1.2 tiếp theo.

4.4. Tóm tắt luận án

Tóm tắt luận án được trình bày theo trình tự của luận án, phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Tóm tắt luận án không quá 24 trang (in cả 2 mặt giấy, khổ 140x210 mm), font chữ Time New Roman, cỡ chữ 11-12, paragraph 1.1-1.3 lines. Lề trên, dưới, trái, phải đều là 2cm. Cuối bản tóm tắt luận án là danh mục các công trình của NCS đã công bố liên quan đến đề tài luận án với đầy đủ thông tin về tên tác giả, năm xuất bản, tên bài báo, tên tạp chí, tập, số, số trang của bài báo trên tạp chí. Danh mục này có thể in trên trang bìa 3 của tóm tắt luận án.

5. Hình thức dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học như:

	Liên quan đến CDR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tự học, tự nghiên cứu	✓	✓			✓
Thảo luận	✓	✓	✓	✓	✓
Luận án	✓	✓	✓	✓	✓
Trình bày bảo vệ luận án	✓	✓	✓	✓	✓

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
1	Tiến độ và chuyên cần	Tiến độ và chuyên cần	CLO2,5	20%
2	Luận án	Rubric luận án	CLO1,2,3,4,5	50%
3	Bảo vệ luận án	Rubric bảo vệ luận án	CLO1,2,3,4,5	30%
Thang điểm				10

Rubric luận án

Cấu trúc	Nội dung/hình thức	Điểm tối đa
Đặt vấn đề	Nêu khái quát tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu, mục tiêu, nội dung, phạm vi, phương pháp và kết quả nghiên cứu luận án	1,0
Tổng quan tài liệu	Phân tích được các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại chưa được giải quyết, những “khoảng trống” tri thức, làm cơ sở cho việc đặt ra các câu hỏi nghiên cứu mà luận án cần tập trung giải quyết	1,0
Cơ sở lý thuyết	Trình bày đầy đủ các lý thuyết liên quan đến vấn đề	1,0

Cấu trúc	Nội dung/hình thức	Điểm tối đa
	nghiên cứu của luận án (đặc biệt là lý thuyết gốc) từ đó có sự phân tích chọn là và rút ra lý thuyết sử dụng trong nghiên cứu	
Phương pháp nghiên cứu	Nêu được mô hình, phương pháp nghiên cứu định tính/định lượng; cách thức chọn mẫu nghiên cứu; công cụ phân tích dữ liệu...	1,0
Kết quả nghiên cứu.	Phân tích đánh giá được thực trạng vấn đề nghiên cứu từ đó tìm ra những kết quả đạt được, những hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế làm căn cứ tin cậy đề xuất giải pháp cho giai đoạn tiếp theo	4,0
Giải pháp và kiến nghị	Nêu được định hướng phát triển vấn đề nghiên cứu; Các giải pháp hoàn thiện/nâng cao/thúc đẩy vấn đề nghiên cứu	1,0
Kết luận	Khái quát những nội dung đã tìm hiểu phân tích được trong luận án	0,5
Tài liệu tham khảo	Tài liệu phải được trích dẫn và sử dụng đầy đủ trong Tiểu luận tổng quan. Cách trình bày tài liệu tham khảo theo đúng quy định về cách ghi và trích dẫn tài liệu tham khảo đã nêu trên	0,25
Hình thức	Văn phong; bố cục; hình vẽ trong nghiên cứu được trình bày khoa học, logic theo quy định của nhà trường	0,25
Tổng điểm		10

Rubric bảo vệ trước hội đồng

Cấu trúc	Nội dung/hình thức	Điểm tối đa
Đặt vấn đề	Nêu bật được lý do lựa chọn vấn đề nghiên cứu, mục tiêu và phương pháp nghiên cứu	1,0
Trình bày và luận giải được các nội dung nghiên cứu	Trình bày và luận giải được các nội dung, kết quả nghiên cứu một cách logic, khoa học	3,0
Trả lời câu hỏi của hội đồng	Tài liệu phải được trích dẫn và sử dụng đầy đủ trong Tiểu luận tổng quan. Cách trình bày tài liệu tham khảo theo đúng quy định về cách ghi và trích dẫn tài liệu tham khảo đã nêu trên	4,0
Hình thức, tác phong, thời gian trình bày	Slide trình bày chuyên nghiệp, đẹp; tác phong trình bày và trao đổi tự tin; thời gian trình bày trong khoảng 20-30 phút	2,0
Tổng điểm		10

7. Quy định đối với nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được công nhận kết quả học phần:

- Thái độ học tập: Nghiên cứu sinh phải tích cực học tập, tự học tự nghiên

cứ, thường xuyên trao đổi và báo cáo tiến độ với GVHD, nộp chuyên đề đúng hạn theo quy định.

-Điểm đánh giá: Nghiên cứu sinh phải được GVHD nhận xét có thái độ học tập nghiên cứu nghiêm túc, đúng tiến độ và có đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ Luận Án.

- Tài liệu học tập: Nghiên cứu sinh cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

- Nghiên cứu sinh nghiên cứu kỹ các Rubric đánh giá học phần để tự xây dựng kế hoạch học tập.

8. Kế hoạch tư vấn

Giảng viên sẽ tư vấn trực tiếp cho nghiên cứu khi cần thiết tại Văn phòng Khoa Tâm lý Giáo dục, hoặc tư vấn online trong giờ làm việc.

9. Trang thiết bị

Phòng họp hội đồng bảo vệ chuyên đề, thảo luận đủ tiêu chuẩn; Có máy tính có kết nối hệ thống học liệu phục vụ quá trình tra soát tài liệu của học viên; Cung cấp các tài khoản truy cập CSDL và kiểm tra độ trùng lặp của tiểu luận trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

10. Tài liệu dạy học

1. Các văn bản Quy định làm luận án tiến sĩ của Trường ĐH Hồng Đức.

2. Nguồn cơ sở dữ liệu, học liệu trên thư viện và nguồn CSDL mở.

PHẦN 4

ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

4.1. Căn cứ pháp lý để mở ngành đào tạo

Việc mở ngành đào tạo tiến sĩ QLGD được xây dựng và đề xuất dựa trên các cơ sở pháp lý sau:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14/06/2019 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội về sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

- Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục

và Đào tạo về Quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học

- Quyết định số 867/QĐ-TTg ngày 12/07/2007 của Thủ tướng chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ cho trường Đại học Hồng Đức;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ GD&ĐT về Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

- Quyết định số 2499/QĐ-ĐHHĐ ngày 22/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ GD&ĐT Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Quyết định số 847/QĐ-ĐHHĐ ngày 17/4/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại Trường Đại học Hồng Đức;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Chương trình tham khảo

1/ Trường Đại học sư phạm Hà Nội

[https://sdh.hnue.edu.vn/Portals/HNUE_POSTGRA_PROGRAM/10-Khoa-QLGD-\(Roi\)-637812760091405701.pdf](https://sdh.hnue.edu.vn/Portals/HNUE_POSTGRA_PROGRAM/10-Khoa-QLGD-(Roi)-637812760091405701.pdf)

2/ Trường Đại học sư phạm Hà Nội 2

https://quanly.hpu2.edu.vn/center_data/hpu2.edu.vn/ps_cms_articles/file/TS_QLGD_2022.LOAN.pdf

3/ Trường Đại học giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội

<http://education.vnu.edu.vn/index.php/WebControl/viewpage/133>

4/ Học viện Quản lý giáo dục

<https://www.naem.edu.vn/vi/dao-tao/thong-bao-tuyen-sinh-dao-tao-trinh-do-tien-si-nganh-quan-ly-giao-duc-nam-2022>

5/ De La Salle University (Philippine)

<https://www.dlsud.edu.ph/programs/coed/dpem.htm>

6/ University of Bolton (Anh)

<https://programmes.bolton.ac.uk/EDU070-E-UOB-PX/current>

- Nhu cầu học tập và phát triển đội ngũ GV và cán bộ QLGD ở Tỉnh Thanh Hóa và các tỉnh lân cận ngày càng cao

4.2. Đội ngũ giảng viên để tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ QLGD

Trường Đại học Hồng Đức có đội ngũ giảng viên, nhà khoa học cơ hữu có đủ năng lực đảm nhận giảng dạy toàn bộ chương trình đào tạo tiến sĩ QLGD.

Theo điều 6 - Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, trường ĐH Hồng Đức đáp ứng đủ điều kiện về đội ngũ giảng viên cơ hữu chủ trì ngành, bao gồm 02 Phó Giáo sư và 3 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, có kinh nghiệm quản lý đào tạo và giảng dạy chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT tiến sĩ QLGD. Trường Đại học Hồng Đức đã đào tạo và cấp bằng trình độ thạc sĩ ngành QLGD cho hơn 300 học viên các khóa tuyển sinh đến nay.

Tính đến 04/2023, tổng số giảng viên cơ hữu của Nhà trường tham gia giảng dạy ngành tiến sĩ QLGD bao gồm 2 Phó Giáo sư và 03 tiến sĩ đảm bảo đủ năng lực chuyên môn phù hợp đảm nhận giảng dạy các học phần thuộc CTĐT tiến sĩ chuyên ngành QLGD. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì ngành và tham gia giảng dạy CTĐT tiến sĩ QLGD được mô tả cụ thể tại bảng 4.1 và bảng 4.2.

(Cụ thể xem tại Mẫu 1, Mẫu 2 và Mẫu 3, Phụ lục 3 đính kèm đề án này)

Bảng 4. 1. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì mở ngành tiến sĩ QLGD

Phụ lục 2

**Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia chủ trì mở mới chuyên ngành đào tạo
trình độ tiến sĩ Quản lý giáo dục**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-ĐHHD ngày /7/2023)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Thành tích khoa học
1	Nguyễn Thị Hà Lan	1975	Phó Trưởng khoa, khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường ĐH Hồng Đức	PGS,TS	Giáo dục học/ Lý luận và lịch sử giáo dục	Chủ biên 01 sách chuyên khảo; Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ; Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Tỉnh, chủ nhiệm 06 đề tài cấp cơ sở; Công bố 55 bài báo trên tạp chí chuyên ngành, hội thảo Quốc gia, quốc tế. Cộng tác viên 1 đề tài cấp Bộ, 1 đề tài cấp Tỉnh, 1 sách tham khảo
2	Nguyễn Hữu Hậu	1979	Trưởng khoa Giáo dục Tiểu học, Trường ĐH Hồng Đức	PGS,TS	Giáo dục học/ Lý luận và PP giảng dạy Toán	Đồng chủ biên 01 giáo trình; Chủ nhiệm 01 đề tài cấp bộ, 02 đề tài cấp cơ sở và là công tác viên 01 đề tài cấp cơ sở; Công bố 64 bài báo trên tạp chí chuyên ngành, hội thảo quốc gia (Trong đó có 12 bài báo công bố trên tạp chí danh mục Scopus).
3	Lê Thị Thu Hà	1971	Trưởng khoa, khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường ĐH Hồng Đức	Tiến sĩ	Giáo dục học/ Lý luận và lịch sử giáo dục	Chủ biên 02 tài liệu chuyên khảo, đồng chủ biên 01 giáo trình, tham gia viết 04 tài liệu (giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo); Chủ nhiệm 01 đề tài cấp tỉnh, 03 đề

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Thành tích khoa học
						tài cấp cơ sở và đang chủ nhiệm thực hiện 01 đề tài cấp cơ sở; Công bố 32 bài báo trên tạp chí chuyên ngành, hội thảo quốc gia, quốc tế (Trong đó có 05 bài báo công bố trên tạp chí danh mục Scopus Q2-Q4).
4	Nguyễn Thị Thanh	1973	Trưởng BM Giáo dục học, khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường ĐH Hồng Đức	Tiến sĩ	Giáo dục học/ Lý luận và lịch sử giáo dục	Chủ biên 02 giáo trình; Chủ nhiệm 02 đề tài cấp cơ sở, cộng tác viên 02 đề tài cấp cơ sở; cộng tác viên 02 đề tài cấp bộ; Công bố 18 bài báo trên tạp chí chuyên ngành, hội thảo quốc gia (Trong đó có 04 bài báo công bố trên tạp chí danh mục Scopus)
5	Lê Minh Hiền	1971	Phó trưởng phòng QLĐT, Trường ĐH Hồng Đức	Tiến sĩ	Giáo dục học/ Quản lý giáo dục	Thành viên 02 đề tài cấp tỉnh, tham gia 01 dự án nghiên cứu khoa học; Công bố 10 bài báo trên tạp chí chuyên ngành, hội thảo quốc gia (Trong đó có 02 bài báo công bố trên tạp chí danh mục Scopus).

Bảng 4. 2. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT tiến sĩ QLGD

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Thành tích khoa học
1	Hoàng Thị Mai	1970	Phó hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức	PGS,TS	Giáo dục học/ Lý luận và PP giảng dạy Văn	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp tỉnh, 02 đề tài cấp cơ sở, Tham gia 38 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước và nước ngoài.
2	Nguyễn Thị Hà Lan	1975	Phó Trưởng khoa, khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường ĐH Hồng Đức	PGS,TS	Giáo dục học/ Lý luận và lịch sử giáo dục	Chủ biên 01 sách chuyên khảo; Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ; Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Tỉnh, chủ nhiệm 06 đề tài cấp cơ sở; Công bố 55 bài báo trên tạp chí chuyên ngành, hội thảo Quốc gia, quốc tế. Cộng tác viên 1 đề tài cấp Bộ, 1 đề tài cấp Tỉnh, 1 sách tham khảo
3	Nguyễn Hữu Hậu	1979	Trưởng khoa Giáo dục tiểu học, Trường ĐH Hồng Đức	PGS,TS	Giáo dục học/ Lý luận và PP giảng dạy Toán	Đồng chủ biên 01 giáo trình; Chủ nhiệm 01 đề tài cấp bộ, 02 đề tài cấp cơ sở và là công tác viên 01 đề tài cấp cơ sở; Công bố 64 bài báo trên tạp chí chuyên ngành, hội thảo quốc gia (Trong đó có 12 bài báo công bố trên tạp chí danh mục Scopus).

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Thành tích khoa học
4	Lê Thị Thu Hà	1971	Trưởng khoa, khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường ĐH Hồng Đức	Tiến sĩ	Giáo dục học/ Lý luận và lịch sử giáo dục	Chủ biên 02 tài liệu chuyên khảo, đồng chủ biên 01 giáo trình, tham gia viết 04 tài liệu (giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo); Chủ nhiệm 01 đề tài cấp tỉnh, 03 đề tài cấp cơ sở và đang chủ nhiệm thực hiện 01 đề tài cấp cơ sở; Công bố 32 bài báo trên tạp chí chuyên ngành, hội thảo quốc gia, quốc tế (Trong đó có 05 bài báo công bố trên tạp chí danh mục Scopus Q2-Q4).
5	Nguyễn Thị Thanh	1973	Trưởng BM Giáo dục học, khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường ĐH Hồng Đức	Tiến sĩ	Giáo dục học/ Lý luận và lịch sử giáo dục	Chủ biên 02 giáo trình; Chủ nhiệm 02 đề tài cấp cơ sở, cộng tác viên 02 đề tài cấp cơ sở; cộng tác viên 02 đề tài cấp bộ; Công bố 18 bài báo trên tạp chí chuyên ngành, hội thảo quốc gia (Trong đó có 04 bài báo công bố trên tạp chí danh mục Scopus)
6	Lê Minh Hiền	1971	Phó trưởng phòng QLĐT, Trường ĐH Hồng Đức	Tiến sĩ	Giáo dục học/ Quản lý giáo dục	Thành viên 02 đề tài cấp tỉnh, tham gia 01 dự án nghiên cứu khoa học; Công bố 10 bài báo trên tạp chí chuyên ngành, hội thảo quốc gia (Trong đó có

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Thành tích khoa học
						02 bài báo công bố trên tạp chí danh mục Scopus).

Bảng 4. 3. Danh sách giảng viên tham gia hướng dẫn tiến sĩ QLGD

S T T	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Thành tích khoa học
1	Hoàng Thị Mai	1970	Phó hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức	PGS, TS	Giáo dục học/ Lý luận và PP giảng dạy Văn	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp tỉnh, 02 đề tài cấp cơ sở, Tham gia 38 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước và nước ngoài.
2	Nguyễn Thị Hà Lan	1975	Phó Trưởng khoa, khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường ĐH Hồng Đức	PGS, TS	Giáo dục học/ Lý luận và lịch sử giáo dục	Chủ biên 01 sách chuyên khảo; Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ; Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Tỉnh, chủ nhiệm 06 đề tài cấp cơ sở; Công bố 55 bài báo trên tạp chí chuyên ngành, hội thảo Quốc gia, quốc tế. Cộng tác viên 1 đề tài cấp Bộ, 1 đề tài cấp Tỉnh, 1 sách tham khảo
3	Nguyễn Hữu Hậu	1979	Trưởng khoa Giáo dục tiểu học, Trường ĐH Hồng Đức	PGS, TS	Giáo dục học/ Lý luận và PP giảng dạy Toán	Đồng chủ biên 01 giáo trình; Chủ nhiệm 01 đề tài cấp bộ, 02 đề tài cấp cơ sở và là công tác viên 01 đề tài cấp cơ sở; Công bố 64 bài báo trên tạp chí chuyên ngành, hội thảo quốc gia (Trong đó có 12 bài báo công bố trên

S T T	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Thành tích khoa học
						tạp chí danh mục Scopus).
4	Lê Thị Thu Hà	1971	Trưởng khoa, khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường ĐH Hồng Đức	Tiến sĩ	Giáo dục học/ Lý luận và lịch sử giáo dục	Chủ biên 02 tài liệu chuyên khảo, đồng chủ biên 01 giáo trình, tham gia viết 04 tài liệu (giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo); Chủ nhiệm 01 đề tài cấp tỉnh, 03 đề tài cấp cơ sở và đang chủ nhiệm thực hiện 01 đề tài cấp cơ sở; Công bố 32 bài báo trên tạp chí chuyên ngành, hội thảo quốc gia, quốc tế (Trong đó có 05 bài báo công bố trên tạp chí danh mục Scopus Q2-Q4).
5	Nguyễn Thị Thanh	1973	Trưởng BM Giáo dục học, khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường ĐH Hồng Đức	Tiến sĩ	Giáo dục học/ Lý luận và lịch sử giáo dục	Chủ biên 02 giáo trình; Chủ nhiệm 02 đề tài cấp cơ sở, cộng tác viên 02 đề tài cấp cơ sở; cộng tác viên 02 đề tài cấp bộ; Công bố 18 bài báo trên tạp chí chuyên ngành, hội thảo quốc gia (Trong đó có 04 bài báo công bố trên tạp chí danh mục Scopus)
6	Lê Minh Hiền	1971	Phó trưởng phòng QLĐT,	Tiến sĩ	Giáo dục học/ Quản lý	Thành viên 02 đề tài cấp tỉnh, tham gia 01 dự án nghiên cứu khoa học; Công

S T T	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Thành tích khoa học
			Trưởng ĐH Hồng Đức		giáo dục	bố 10 bài báo trên tạp chí chuyên ngành, hội thảo quốc gia (Trong đó có 02 bài báo công bố trên tạp chí danh mục Scopus).

Để nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học, hàng năm Nhà trường căn cứ vào nhu cầu đào tạo và quy mô tuyển sinh để lập kế hoạch tuyển dụng, ký hợp đồng và phát triển đội ngũ giảng viên. Bên cạnh đó tiếp tục cộng tác với các nhà giáo, nhà khoa học có uy tín và các chuyên gia đầu ngành có nhiều kinh nghiệm trong đào tạo sau đại học thuộc chuyên ngành QLGD đang công tác tại các trường đại học trong và ngoài nước.

Tính đến tháng 11/2023, Khoa Tâm lý Giáo dục hiện có 01 nghiên cứu sinh đang theo học tại trường Đại học sư phạm Hà Nội. Lộ trình sau 5 năm giai đoạn từ năm 2023 đến 2028 quy hoạch bổ sung đội ngũ giảng viên đáp ứng nhu cầu đào tạo ngành tiến sĩ QLGD cụ thể được mô tả tại bảng 4.4 và bảng 4.5 sau:

Bảng 4. 4. Đội ngũ giảng viên Khoa Tâm lý Giáo dục đang hoàn thiện trình độ và điều kiện giảng dạy Tiến sĩ QLGD

TT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo	Thời gian hoàn thành CTĐT
1	Cao Thị Cúc	Tiến sĩ	GDH	6/2024
2	Đỗ Thị Dung	Tiến sĩ	GDH	8/2024

Bảng 4. 5. Quy hoạch đội ngũ giảng viên Khoa Tâm lý Giáo dục đáp ứng nhu cầu đào tạo ngành tiến sĩ Quản lý giáo dục giai đoạn 2022 - 2027.

TT	Họ và tên	Trình độ	Ngành đào tạo	Quy hoạch đủ điều kiện phong hàm chức danh PGS
	Đỗ Thị Dung	Tiến sĩ	GDH	2027

4.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học

4.3.1. Năng lực NCKH của cán bộ giảng viên tham gia đề án mở ngành tiến sĩ QLGD

Hoạt động NCKH luôn là một trong những thế mạnh của Khoa. Trong những năm gần đây số lượng các công trình nghiên cứu được công bố trên các Tạp chí khoa

học chuyên ngành có uy tín ngày càng tăng. Số lượng các bài báo được đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus hàng năm; Giảng viên trong Khoa tham gia nhiều báo cáo tại các hội thảo quốc tế. Cụ thể, trong giai đoạn 2017-2022, đội ngũ Giảng viên của khoa đăng ký được 03 đề tài cấp cao (01 đề tài cấp Bộ, 02 đề tài cấp Tỉnh) và 07 đề tài cơ sở. Các giảng viên trong Khoa đã công bố trên 20 bài báo WoS/Scopus (SCI, SCIE, Scopus) Kết quả này khẳng định năng lực và tiềm năng về NCKH của đội ngũ Giảng viên của khoa

4.3.2. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

4.4. Cơ sở vật chất trang thiết bị, thư viện phục vụ cho CTĐT tiến sĩ QLGD

Trường Đại học Hồng Đức là trường trực thuộc UBND tỉnh Thanh Hoá được quan tâm, đầu tư cơ sở vật chất cả về số lượng và chất lượng tương đối hiện đại, đồng bộ, cơ bản đáp ứng nhu cầu cho công tác quản lý, điều hành, công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và đáp ứng một phần nơi ở của người học.

Trong những năm qua, Nhà trường được đầu tư 650 tỷ đồng để hoàn thành các hạng mục tại cơ sở chính gồm: Nhà Điều hành, 6 nhà giảng đường, nhà Trung tâm Giáo dục quốc tế - Ngoại ngữ, khu liên hợp Thể dục Thể thao, Hội trường 500 chỗ ngồi, 6 nhà ký túc xá sinh viên, giảng viên thỉnh giảng, Nhà ký túc xá Lào (do nước bạn Lào đầu tư bàn giao lại cho Nhà trường), Trung tâm Thông tin - Thư viện và Trường Mầm non thực hành tổng diện tích xây dựng các công trình là 103.630 m² sàn; Trung tâm Giáo dục Quốc phòng An ninh được đầu tư 93,6 tỷ đồng để xây dựng nhà làm việc, nhà học, nhà ký túc xá, sân bãi tập luyện với 9.793 m² sàn.

Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học nhìn chung cơ bản đáp ứng cho các ngành đào tạo. Trường có 163 phòng học, 01 hội trường lớn 500 chỗ, 47 phòng thí nghiệm, 01 xưởng thực hành, 01 nhà thư viện và 01 khu liên hợp thể thao phục vụ giảng dạy bộ môn giáo dục thể chất. Trong đó có 125 phòng học từ 40 - 72 người học, 34 phòng học từ 80 - 120 người học và 04 phòng học 250 người học.

Thư viện nhà trường có diện tích 5166m², được tổ chức theo hình thức kho mở với 04 phòng đọc, 500 chỗ ngồi. Cơ sở vật chất hiện đại với hệ thống 130 máy tính, được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ bạn đọc tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu số đã được cấp quyền truy cập trên mạng, 6 phòng học nhóm, 2 phòng hội thảo, 1 phòng quản trị mạng, 4 phòng làm việc nghiệp vụ, 1 kho lưu. Các phòng hội thảo, phòng đọc, phòng học nhóm được trang bị hệ thống camera, máy chiếu, điều hoà phục vụ người sử dụng thư viện. Hiện tại, Trung tâm đang phục vụ 15.397 đầu sách với số lượng 154.935 bản, 2870 cuốn luận văn, luận án, đồ án các loại.

Năm 2021, Nhà trường đã có thư viện điện tử (phần mềm tra cứu Thư viện

Libol) với tài liệu số hóa, ebooks, thư viện hiện nay đã được đầu tư mới với kiến trúc hiện đại của một thư viện mở, diện tích sử dụng rộng rãi. Nội thất thư viện được thiết kế mới, bố trí khoa học phù hợp cho nhiều đối tượng người dùng. Hàng năm, Nhà trường luôn rà soát lại hệ thống tài liệu, giáo trình học tập để xây dựng kế hoạch mua bổ sung các tài liệu, giáo trình, tạp chí chuyên ngành phục vụ yêu cầu ngày càng cao trong đào tạo và NCKH. Nhờ đó nguồn tài liệu, tạp chí, của Trung tâm luôn luôn được đổi mới đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu cho các nghiên cứu sinh ngành QLGD

(Xem Mẫu 8, 9 và 10 - Phụ lục 3 đính kèm đề án này)

4.5. Tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo

Khoa Tâm lý - Giáo dục luôn tự hào có đội ngũ giảng viên với trình độ chuyên môn cao, được đào tạo bài bản từ các trường đại học uy tín, luôn tâm huyết trong giảng dạy và không ngừng nỗ lực trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Hiện nay khoa có 19 CBGV, trong đó có 01 Phó Giáo sư - tiến sĩ, 7Tiến sĩ, 2 nghiên cứu sinh đang học tập tại các trường danh tiếng trong nước và 8Thạc sĩ.

Khoa Tâm lý - Giáo dục luôn là một trong những khoa tích cực trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Hàng năm, các giảng viên của khoa luôn có bài nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế uy tín; tham dự và trình bày các nghiên cứu tại các hội thảo khoa học chuyên ngành. Ngoài ra, giảng viên của Khoa tham gia thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, cấp Tỉnh, cấp Bộ, bên cạnh đó, Khoa cũng luôn chú trọng và không ngừng nâng cao năng lực nghiên cứu cho sinh viên. Từ khi thành lập Khoa đến nay, đã có nhiều sinh viên của khoa đạt được giải thưởng cao trong các hội nghị NCKH sinh viên cấp Trường.

Trải qua 25 năm xây dựng và trưởng thành, với những thành tích đạt được trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, Khoa Tâm lý - Giáo dục đã được khen thưởng như: Tập thể lao động tiên tiến xuất sắc hàng năm; Bằng khen của Ủy ban nhân dân Tỉnh Thanh Hóa; Bằng khen của TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh...

Nhân sự quản lý chuyên môn đối với ngành tiến sĩ QLGD được mô tả cụ thể tại bảng 4.6 sau:

Bảng 4.6: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với chuyên ngành Quản lý giáo dục dự kiến mở trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Hồng Đức

T T	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành
1	Lê Thị Thu Hà , Năm sinh: 1971 Trưởng khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường Đại học Hồng Đức	TS . ĐHSP Hà Nội, 2013	GDH
2	Nguyễn Thị Hà Lan , Năm sinh: 1975 Phó Trưởng khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường Đại học Hồng Đức	PGS,TS . ĐHSP Hà Nội, 2018	GDH

4.6. Biện pháp quản lý rủi ro trong mở ngành và triển khai tuyển sinh, đào tạo chuyên ngành tiến sĩ Quản lý giáo dục

Với đội ngũ GV giàu kinh nghiệm, có uy tín và năng lực đào tạo cùng với các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực hiện nay của nhà trường việc xây dựng đề án mở ngành tiến sĩ QLGD trong năm 2023 và quá trình đào tạo là hoàn toàn khả thi, rủi ro bị đình chỉ ngành gần như không có. Dự kiến trong giai đoạn 10 năm tới các điều kiện để ngành phát triển như nhu cầu người học được dự báo càng tăng cao đáp ứng nhu cầu phát triển trong lĩnh vực giáo dục và QLGD, chất lượng đội ngũ ngày càng được nâng cao. Để phòng tránh rủi ro có thể xảy ra trong quá trình phát triển, cần thường xuyên rà soát và ngăn ngừa các rủi ro để đảm bảo điều kiện phát triển bền vững. Tiếp tục đầu tư điều kiện cần thiết phục vụ đào tạo, cải tiến chương trình, tăng cường liên kết trong đào tạo và NCKH, đặc biệt chú trọng bồi dưỡng và phát triển đội ngũ đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo tiến sĩ tiệm cận với chất lượng quốc tế.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn xem xét trường sẽ tổ chức các phương án sau đây để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, các bên liên quan trong trường hợp bị đình chỉ đào tạo ngành này.

- Đối với người học: Đối với các khóa tuyển sinh đã được tuyển trước khi bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo (nếu có), nhà trường cam kết sẽ đảm bảo quyền lợi cho người học bằng theo các phương án sau (một hoặc phối hợp nhiều phương án):

+ Tiếp tục tự tổ chức các học phần trong CTĐT để người học hoàn thành CTĐT tiến sĩ QLGD;

+ Xem xét cho NCS được học một số học phần tương đương và được công nhận cho các học phần còn chưa được tích lũy trong CTĐT tiến sĩ QLGD;

+ Xem xét và giải quyết cho người học có nhu cầu mong muốn chuyển sang ngành đào tạo khác (nếu có). Việc xét cho người học được chuyển ngành đào tạo cũng như việc công nhận các tín chỉ đã tích lũy được thực hiện theo quy định hiện hành (nếu có).

- Đối với giảng viên: Giảng viên đã được phân công chuẩn bị các học phần trong CTĐT hoặc hướng dẫn NCS nhưng không thể triển khai trong trường hợp bị đình chỉ ngành đào tạo, nhà trường xem xét ưu tiên bố trí giảng viên giảng dạy các học phần có chuyên môn phù hợp, hướng tới đảm bảo số giờ giảng dạy của giảng viên theo kế hoạch ban đầu.

- Đối với các bên có liên quan: Trong trường hợp bị đình chỉ ngành đào tạo, Nhà trường thực hiện công khai, minh bạch thông tin cho các bên có liên quan theo hình thức phù hợp (gửi email, thông báo trên trang web v.v), về các biện pháp nhà trường thực hiện nhằm đảm bảo quyền lợi cho các bên có liên quan.

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

**BAN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN
TRƯỞNG BAN**

PGS. TS. Bùi Văn Dũng

PGS. TS. Hoàng Thị Mai

CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN

I. Nghị quyết của hội đồng trường phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo
II. Hồ sơ về chương trình đào tạo: <ul style="list-style-type: none">- Quyết định thành lập hội đồng xây dựng CTĐT;- Quyết định thành lập hội đồng thẩm định CTĐT;- Biên bản thẩm định chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định;- Quyết định ban hành chương trình đào tạo
III. Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục & Đào tạo)
1. Hồ sơ về đội ngũ giảng viên (Mẫu 1, 2, 3 và 4 - Phụ lục 3) <ul style="list-style-type: none">- Bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động- Bản sao chứng thực văn bằng do cơ sở đào tạo Việt Nam cấp hoặc văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp và giấy công nhận văn bằng do cơ quan có thẩm quyền cấp- Lý lịch khoa học
2. Kết quả nghiên cứu khoa học, hợp tác QT (Mẫu 5,6 và 7 - Phụ lục 3) <ul style="list-style-type: none">- Các đề tài NCKH của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo- Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo- Các biên bản hợp tác QT.
3. Hồ sơ về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập (Mẫu 8, 9 và 10 - Phụ lục 3) <ul style="list-style-type: none">- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho thực hiện CTĐT- Thư viện phục vụ cho thực hiện CTĐT